

# **PHẬT GIÁO SƠ HỌC**

*Dịch giả: HT. Trung Quán  
Chùa Hoa Nghiêm Pháp Quốc*

*--- o0o ---*

*Nguồn*

<http://www.quangduc.com>

*Chuyển sang ebook 31-8-2009*

*Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com*

*Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>*

## Mục Lục

Lời Giới Thiệu

- 1.- PHẬT
- 2.-PHÁP
- 3.- TĂNG
- 4.- CÔNG HẠNH TU CHỨNG
5. PHỔ THÔNG HÀNH TRÌ
6. CÂU CHUYỆN KHỔ VUI
7. VŨ TRỤ, NHÂN SINH.

Lời Giới Thiệu

Đã từ lâu, tôi thường mong ước có một cuốn sách Việt ngữ nói về đạo Phật, từ thấp lên cao, tu như thế nào, và từ lúc mới phát tâm, cho đến khi thành Phật, phải trải qua bao nhiêu cấp bậc, để làm kim chỉ nam cho các hàng Phật tử tiền tu thêm vững chắc, đồng thời giúp cho họ đủ tài liệu giải đáp khi có người thắc mắc hỏi tới.

Song, kinh sách quá nhiều, mênh mông như biển cả, bát ngát như rừng cây, và phần nhiều những kinh sách ấy đều viết bằng Hán văn; muốn tìm một cuốn sách viết bằng Việt ngữ, thu gọn, thiết thực như trên, thật là khó.

May mắn thay, nam nay, đầu thu Canh Tý, trong thời gian tôi còn lưu lại Vạn tượng, Thủ đô Ai Lao vương quốc, hân hạnh được đọc qua bản thảo quyển( BIÊN MINH VỀ TU CHỨNG CỦA PHẬT GIÁO ), do Đại Đức Trung Quán biên soạn. Nhận thấy lời văn giản dị, rõ ràng; trong sách lại chia ra từng chương, từng bài nhỏ, khiến ai đọc qua cũng có thể hiểu, và nhớ

được. Thật là một cuốn sách rất ích lợi và thích hợp như lòng tôi hằng mong ước.

Lại thêm một sự may mắn nữa, là trong khi Đại Đức Trung Quán đang bàn định cho xuất bản cuốn sách này, chúng tôi lại được gặp Đạo hữu Đức Tín, người có thiện duyên lớn, đã từng du lịch và chiêm bái gần khắp xứ Phật, trở về nghỉ tại Vạn tượng; do nhân duyên hội ngộ, và cũng do lòng trọng đạo nhiệt thành, Đạo hữu muốn cuốn sách này mau chóng ra đời, đem lại sự lợi ích cho hàng Phật tử, nên đã xin phát tâm về phương tiện tài chính, đồng thời khuyến khích nhiều người có tâm đạo cùng phát tâm để in 5000 cuốn. Cữ chỉ cao đẹp ấy, thật là xứng đáng trong hàng ngũ Phật tử.

Thế là cuốn sách này đủ nhân duyên ra đời, từ nay, chúng ta nhận thêm được viên gạch mới nữa của Đại Đức góp vào xây dựng sự nghiệp văn hóa Phật giáo Việt Nam bằng Việt ngữ.

Tôi xin nhứt tâm tùy hỷ công đức, và xin chân thành cầu chúc cho hàng Phật tử được nhiều sự lợi lạc trong khi đọc cuốn sách này.

Tại thủ đô Vạn tượng, ngày 22 tháng 7 PL2504.

Thích Thiện Tuệ

## **1.- PHẬT**

Phật là gì?

Phật là một bậc đã giác ngộ hoàn toàn, thấy biết tất cả việc đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai; từ bi, bình đẳng, hùng lực, quả quyết hơn tất cả trời, người, phàm, thánh; sự nghe quán triệt mười phương thế giới; làm lợi ích cho muôn loài, cứu vớt chúng sinh nổi chìm trong sáu ngã, nên gọi là Phật.

Ngài ở đâu? Con ai

Ngài ở xứ trung Ấn độ, con vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma Da, tên là Tất Đạt Đa. Ngài có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp; nếu ở đời thì làm Kim Luân vương, thống trị bốn thiên hạ. Vì thấy chúng sinh đau khổ: sinh, già, bệnh,

chết nên ngài đã từ bỏ cung điện, đi khắp đông tây, tìm gặp rất nhiều nhà hiền triết đương thời, mong được nghe nơi họ một lời giải đáp về nguyên nhân của sinh, già, bệnh, chết và phương pháp giải trừ bốn tướng ấy; nhưng không một ai nói được ai nói được rõ, không một ai làm Ngài thoả mãn. Ngài bèn tự tu, tự suy cứu lấy một mình... rồi một ngày kia, dưới cội cây Bồ Đề, Ngài thốt nhiên đã khám phá được, và giữa giờ phút đó Ngài thành Phật, tức là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì lòng từ bi cứu thế, Ngài nói ra pháp Tứ đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên v.v... để giáo hóa chúng sinh, đến nay đã hơn 2500 năm, và giáo lý của Ngài được lưu truyền khắp thế giới.

Các nhà khoa học hiện đại phần nhiều đều hâm mộ giáo lý của Ngài; và mỗi khi khoa học phát minh được một bí ẩn gì của vũ trụ, thì thấy tương hợp với lời Ngài đã nói. Vì thế nên biết khoa học tiến bao nhiêu thì đạo Phật càng sáng tỏ bấy nhiêu?

Tại sao ngày 8 tháng 4 dân chúng ở miền Bắc nước Việt gọi là ngày Bụt sinh Bụt nở?

Chính ngày đó là ngày Đức Phật Thích Ca giáng sinh. Chữ Bụt nguyên tiếng Phạn là Phật Đà, ta nói trại là Bụt.

Phật có chết không?

Phật có chết, nhưng chết trong chỗ không chết. Ví như con người, lúc chưa sinh thì không có chết, nhưng sau khi đã sinh ra, tất nhiên có ngày phải chết. Nhưng có một lý do không chết mà chưa ai nhận được. Thế gian cho rằng hễ tắt hơi thở là chết, đối với Phật pháp, thì đó chỉ là cái chết giả tướng, chớ chơn tính vẫn không chết.

Chúng ta thử quan sát thân người là vật chi? Thì thật thân ấy chỉ do những tinh huyết của cha mẹ kết thành. Thế mà con người mê chấp cái thân ấy là quý giá, là có thật, nên hết sức bảo thủ nó, nâng niu nó muốn cho nó không bao giờ chết. Nhưng có lẽ nào được. Theo luật chuyển biến của nhân quả, vạn sự vạn vật từ sơn hà, vũ trụ nhân sinh cho đến thảo mộc cầm thú, côn trùng có sinh tất có tử, có thành tất có hoại, không một vật gì có thể tồn tại mãi mãi.

Đức Phật đã giáng sinh, thị hiện thân người; cái thân đã sinh ra tất có ngày phải chết. Đó là lẽ thường trong thiên hạ. Nhưng đức Phật đã phát minh một chân lý tuyệt diệu, Ngài đã thực hành và chứng được ba thân thanh tịnh:

Pháp thân, Báo thân, Ứng thân. Pháp thân là lấy pháp giới làm thân, tức là thân Ngài ở khắp cõi hư không pháp giới. Báo thân là Ngài dùng trí bình đẳng, hiện ra thân công đức tịnh diệu Tịnh độ, hiện đại thân thông, thuyết pháp cho hàng Bồ Tát Thập địa. Ứng thân là thân ứng hiện. Ngài tùy theo cơ cảm, ứng hiện ra cái thân, để tế độ cho những người có thể tế độ được. Như Ngài giáng sinh xuống nhà vua Tịnh Phạn.

Pháp thân, Báo thân thì không sinh không tử; Ứng thân thì đã thị hiện thụ thân như mọi người, có sinh tất có tử. Nhưng cái tử đó là do Ngài tự định đoạt lấy, chứ không phải là bị động. Cho nên nói( Phật chết trong chỗ không chết).

Tu theo giáo lý của Phật được lợi ích gì?

Tu theo giáo lý của Phật được thoát khỏi sáu cõi phàm tục: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, A tu la, Nhơn, Thiên, tức là vượt ra ngoài vòng mê lầm đau khổ.

Tại sao tín đồ Phật giáo chào nhau bằng tiếng niệm( A Di Đà Phật ), mà không niệm Thích Ca Mâu Ni?

Đức Phật Thích Ca thuyết ra một pháp môn Tịnh độ( sau này thành lập tông Tịnh độ), bằng cách trì danh hiệu đức Phật A Di Đà, để cầu sinh sang(vãng sinh) thế giới Cực lạc. Việt Nam cũng như phần nhiều các nước Phật giáo Á châu, hiện theo tông này, nên tín đồ chuyên trì danh hiệu đức Phật A Di Đà; họ không muốn quên danh hiệu ấy lúc nào, bất cứ trong hoàn cảnh gì, gặp nhau họ cũng niệm A Di Đà Phật, và lấy tiếng niệm Phật chào mừng nhau.

Thế giới cực lạc ở phương nào? Cách cõi ta bao xa?

Kinh A Di Đà nói: Hướng về Tây phương cách đây mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới gọi là cực lạc; cõi này thuần vui và không có ba đường ác, do đức Phật A Di Đà làm chủ, Ngài có bốn mươi tám điều đại nguyện, trong ấy có những điều đại ý nói: Nếu chúng sinh nào muốn sinh sang nước Ngài, niệm danh hiệu Ngài từ mười câu cho đến vạn triệu câu, phát nguyện cầu sinh sang nước Ngài, người ấy lúc mệnh chung Ngài sẽ sang tận nơi đón về.

Cũng nhiều nước theo Phật giáo mà không thấy họ niệm Phật A Di Đà là tại sao?

Đó là quyền tự do của họ. Đức Phật Thích Ca Thuyết ra tám vạn bốn ngàn phép tu, chứ đâu phải chỉ một tông Tịnh độ. Ai tu môn nào cũng được thành Phật cả, nhưng sự tu hành có dễ, khó và sự thành công có sớm, muộn khác nhau. Vì tông Tịnh độ dễ tu và chắc chắn không sợ sai lạc, vì nên phái Đại thừa phần nhiều tu theo tông Tịnh độ. Còn tiểu thừa quyết định không có ai tu theo tông đó.

Phật Dược Sư là gì?

Là đức Phật làm giáo chủ thế giới Lưu Ly. Kinh Dược Sư nói: “muốn cho chúng sinh đời hiện tại thoát hết mọi tai nạn, được an vui sung sướng sống lâu ít bệnh hoạn, nên Ngài Văn Thù Bồ Tát bạch Phật giáo hóa...Phật nói: Hướng về phương Đông, cách mười hai số cát sông Hằng cõi Phật, có một thế giới gọi là Lưu Ly, do đức Phật Dược Sư làm Giáo chủ. Nếu ai tụng kinh Dược Sư, hoặc niệm danh hiệu Ngài và hai vị Bồ Tát Nhật Quang, Nguyệt Quang, thì đời hiện tại cầu gì cũng được toại ý. Cho đến người nào bị đọa ba đường ác(địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh), nếu nhớ đến danh hiệu Ngài, cũng được giải thoát ngay...” Vì thế cho nên tín đồ Phật giáo hay tụng kinh Dược Sư, hoặc tụng một mình hoặc tụng hội để cầu phước báo.

Phật Di Lặc là gì ?

Là một đức Phật kế vị Đức Phật Thích Ca, giáo hóa cõi này. Lúc Đức Phật Thích Ca sắp nhập Niết bàn, có phó chúc cho Ngài Di Lặc rằng: “hết tiểu kiếp này(thứ 9), đến tiểu kiếp thứ mười, thì ông được thành Phật, và cũng ở thế giới này giáo hóa chúng sinh”. Như vậy chúng ta thấy rằng Ngài cũng là đồ đệ Đức Phật Thích Ca, và còn lâu lắm mới ra đời.

Trước đây, ở bên Tàu có một số người phao đồn rằng: thuộc quận Lạc Dương, ở một hòn núi nọ, một hôm có tiếng sét nổ dữ dội, vách núi nứt ra một tảng đá lớn, trong có đề những câu răn đời, phải nên tu thiện, kéo sau thời tại kiếp đến, khó mà thoát khỏi đau khổ về đao binh, dịch lệ, đói kém...Người ở đấy biên chép những lời ấy, và đặt tên là kinh Mạt kiếp, truyền bá cho mọi người.

Gần đây có bọn người manh tâm phỉ báng Tam Bảo, dùng bài kinh ấy thêm đầu thêm đuôi sửa tên là kinh Di Lặc. Trong ấy có đoạn nói: Đức Phật Thích Ca với đức Phật Di Lặc, hai người cùng ngồi thiền định, ước hẹn với nhau rằng: hễ hoa sen ai nở trước thì xuống trần độ sinh. Đức Phật Thích Ca hé mắt nhìn thấy hoa sen của đức Di Lặc nở trước, Ngài liền lấy trộm cắp sang

gậy Ngài, để xuống trần trước. Vì Ngài lấy trộm hoa sen, nên chúng sinh cõi này bị đau khổ...

Độc giả nên biết, kinh điển Phật giáo, biên chép trong đại tạng, có sẵn từ xưa, và chính Phật nói ra, chớ đâu phải ở hòn đá nứt? Vả lại, sự thành Phật, độ sinh sớm hay muộn là tùy cơ duyên của mỗi người, chớ lý nào lại “ăn trộm hoa sen” Thực là mê lắm quá! Kẻ viết những lời như thế tội lỗi biết chừng nào!

Mười phương Phật là gì?

Tức là các thế giới trong mười phương đều có Phật, và cõi Phật.

Hiện nay các nhà khoa học đã phát minh mỗi vì sao là mỗi thế giới. Trước đây Phật cũng nói trong hư không vô biên, thế giới nhiều như vì trần. Mỗi thế giới có một đức Phật làm giáo chủ, giáo hóa chúng sinh. Như vậy, đứng ở phạm vi mình đây mà nói, thì Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông nam, Tây nam, Đông bắc, Tây Bắc, trên, dưới đều có cõi Phật và các đức Phật, nên nói là mười phương Phật hay mười phương chư Phật, mười phương thế giới vì trần chư Phật... ^

## **2.-PHÁP**

Pháp là gì?

Pháp là lời Đức Phật Thích Ca nói ra, các vị Thánh đệ tử của Ngài ghi chép thành kinh điển, nên gọi là Pháp. Như Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện, Tứ đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên, Lục độ, v.v... đều gọi là Pháp hay Phật pháp: giáo pháp của Phật.

Tam quy là gì?

Tam quy là ba phép quy, hay là quy y Tam Bảo.

Tam Bảo là gì?

Tam Bảo là ba ngôi quý báu: Phật, Pháp, Tăng.

Tam Bảo có mấy thứ?

Tam Bảo có bốn thứ: Đồng thể Tam Bảo. Biệt tướng Tam Tối sơ Tam Bảo. Trụ trì Tam Bảo.

Đồng thể Tam Bảo là gì?

Đồng thể Tam Bảo là Tam Bảo đồng một thể tánh, chúng sinh và Phật vốn sẵn đủ như nhau. Tuy mê ngộ khác nhau, mà thể tánh vẫn không tăng giảm: Chân trí bản giác là Phật bảo. Thực tướng lý tính là Pháp bảo. Lý trí hoà hợp là Tăng bảo.

Biệt tướng Tam Bảo là gì?

Biệt tướng Tam Bảo là Tam Bảo có phân ra tướng loại khác nhau, do đồng thể Tam Bảo tu tập, phát huy mà thành: Pháp thân, báo thân, ứng thân là Phật bảo. Giáo lý do tam thân nói ra là pháp bảo. Tam thừa thánh hiền y theo giáo lý mà tu chứng là Tăng bảo.

Tối sơ Tam Bảo là gì?

Tối sơ Tam Bảo là Tam Bảo xuất hiện đầu tiên trên thế gian, do biệt tướng Tam Bảo ứng hiện, lưu xuất: Đức Phật Thích Ca là Phật bảo, Pháp Tứ đế thuyết ở vườn Lộc Uyển là Pháp bảo. Nhóm Kiều Trần Như Năm người, đặc đạo đầu tiên, là Tăng bảo.

Trụ trì Tam Bảo là gì?

Trụ trì Tam Bảo là Tam Bảo lưu truyền, tồn tại ở thế gian, tiêu biểu cho nền đạo của đức Phật, làm nơi quy hướng tôn quý cho tất cả chúng sinh cải tà quy chính, bỏ ác làm lành: Tượng Phật, ảnh Phật, tranh Phật là Phật bảo. Kinh điển, Thánh tích, pháp khí là pháp bảo. Chư tăng tu hành truyền đạo là

Tăng bảo.

Quy y Tam Bảo có lợi ích gì?

Quy y Tam Bảo có lợi ích như sau: Quy y Phật thì không bị đọa vào địa ngục. Quy y pháp thì không bị đọa vào ngạ quỷ. Quy y Tăng thì không bị đọa làm súc sinh.

Nhưng muốn được lợi ích như vậy, không phải chỉ quy y suông mà đủ, cốt phải thực hành theo lời Phật dạy, từ bi hỷ xả, ăn chay giữ giới, hiếu kính cha mẹ, theo lời giáo hóa của chư Tăng... thì mới được lợi ích như trên.

Ngũ giới là gì?

Ngũ giới là năm điều răn cấm của Phật: 1/ không sát sinh. 2/ không trộm cắp. 3/ không tà dâm. 4/ không nói dối. 5/ không uống rượu.

Giữ ngũ giới được lợi ích gì?

Giữ ngũ giới thì được năm điều lợi ích: 1- không sát sinh đời sau khỏi tội địa ngục, và được sống lâu. 2- không trộm cắp, đời sau được giàu có, và khỏi cụt tay gãy cẳng. 3- không tà dâm đời sau được thân hình tốt đẹp, nhiều người kính trọng, được vợ đoan chính, và không bị sinh vào gia đình tệ ác, trên dưới hỗn loạn. 4- không nói dối, đời sau được nhiều người tín phục, và khỏi bị sứt môi méo miệng, 5- không uống rượu đời sau, được thông minh, trí tuệ, và khỏi tội người ngợm đờn ươi.

Thập thiện là những gì?

Là mười điều thiện về thân, miệng, ý: 1- không sát sanh. 2- không trộm cắp. 3- không tà dâm. 4- không nói dối. 5- không nói hai lưỡi (lưỡi đôi chiều). 6- không nói ác. 7- không nói đơm đặt, thêu dệt. 8- không tham dục. 9- không giận tức. 10- không tà kiến, si mê.

Tu thập thiện được lợi ích gì?

Tu thập thiện được lợi ích như sau:

a) không sát sinh được mười điều lợi ích:

- 1.- Muôn loài đều gặp mình hoan hỷ không có ý khiếp sợ.
- 2.- Đối với tất cả chúng sinh lúc nào cũng khởi tâm từ bi.



3.-Dứt bỏ được các tập khí, thói quen giận tức.

4.-Thân thường không bệnh hoạn.

5.- Được các hàng quý thần ủng hộ.

6.- Sống lâu.

7.- khi ngủ không có ác mộng .

8.- Tiêu diệt được những oán kết lâu đời.

9.- Không sợ dọa vào ác đạo.

10.- Khi mệnh chung được sinh lên trời.

b) Không trộm cắp được mười điều lợi ích:

1.- Giàu có, của cải nhiều, và không bị vua quan giặc cướp, nước ngập, lửa cháy và các cơn phá ác phá tán.

2.- Được nhiều người thương yêu.

3.- Không bị người lừa gạt.

4.- Người muôn phương xa đều khen ngợi.

5.- Không lo bị tổn hại.

6.- Tiếng tốt đồn xa.

7.- Có tài hung biện, không sợ sệt ở chỗ đông người.

8.- Tiền của, khí sắc, sức lực luôn luôn tốt đẹp, và có tài nhanh chóng, nhanh lẹ, trong công việc làm ăn.

9.- Thường có tâm bố thí.

10.- Khi mệnh chung được sinh lên trời.

c) Không tà dâm được bốn điều lợi ích:

- 1.- Các căn hòa thuận ( căn: giác quan).
- 2.- Tâm được yên tịnh, xa những ý nghĩ bất chính.
- 3.- Được người đời khen ngợi, tôn kính.
- 4.- Không ai xâm phạm đến tiết hạnh của vợ con mình.

d) Không nói dối có tám điều lợi ích:

- 1.- Miệng thường trong sạch thơm tho như mùi hoa.
- 2.- Được mọi người tín phục.
- 3.- Nói lời gì có chứng cứ chứng thực, trời người đều kính yêu.
- 4.- Thường dùng lời êm dịu, thương yêu an ủi chúng sinh.
- 5.- Được vui cao xa, bá nghiệp thanh tịnh.
- 6.- Nói không lầm lẫn, tâm thường vui vẻ.
- 7.- Nói lời gì đều được tôn trọng, trời người thuận theo.
- 8.- Trí tuệ thù thắng, không ai chế phục được.

đ) Không nói hai lưỡi được năm điều lợi ích:

- 1.- Không ai muốn làm hại mình.
- 2.- Không ai dám phá hoại họ hàng mình.
- 3.- Không ai dám phá sự tín ngưỡng của mình.
- 4.- Sự tu hành vững chắc, không ai phá hoại nổi.
- 5.- Gặp thiện tri thức, và không bị đời lừa bịp.

e) Không nói ác được tám điều lợi ích:

- 1.- Nói không trái phép.
- 2.- Nói có ích lợi.
- 3.- Lời nói hợp lý.
- 4.- Lời nói khéo léo.
- 5.- Nói nhiều người lãnh thụ.
- 6.- Nói nhiều người tin theo.
- 7.- Nói không bị chê gièm.
- 8.- Lời nói làm cho ai ai cũng được hài lòng, yên vui.

g) không nói đơm đặt, thêu dệt được ba điều lợi ích:

- 1.- Được người trí thức yêu quý.
- 2.- Hỏi và đáp đều dùng trí tuệ chơn thật.
- 3.- Ở cõi người hoặc sinh lên cõi trời đều có uy đức tối thắng.

h) không tham dục được năm điều lợi ích:

1. Các giác quan đầy đủ, ba nghiệp tự tại, an nhiên.
2. Cửa cải tự tại, giặc cướp không dám đoạt.
3. Phúc đức tự tại tâm muốn gì đều được đầy đủ.
4. Vương vị tự tại, được nhiều người dâng hiến bảo vật.
5. Được vật gì cũng nhiều quá sự ước muốn của mình ( do đời trước không có tâm tham sân, ghen ghét nên được phúc báo như vậy).

i) Không tức giận được tám điều lợi ích:

1. Không có thương tổn và phiền não.
2. Tâm không bao giờ tức giận.
3. Tâm không tranh giành kiện tụng.
4. Tâm ngay thẳng nhu hòa.
5. Được từ tâm sáng suốt.
6. Thường có tâm làm lợi chúng sinh.
7. Thân tướng đoan nghiêm tươi đẹp, mọi người tôn kính.
8. Bởi sự hòa nhẫn mà chóng được sinh lên cõi trời Phạm Thế.

k) Không tà kiến được mười điều lợi ích:

1. Được bạn tốt và ý vui chân, thiện, mỹ.
2. Thâm tín nhân quả, dầu mất mạng cũng không chịu làm ác.
3. Chỉ quy y Phật chứ không quy y tà ma, ngoại đạo.
4. Lòng ngay thẳng xa lìa những việc cầu đoán cát hung.
5. Thường được sinh cõi người, cõi trời, không bị sa vào ác đạo.
6. Có vô lượng phước đức thêm mãi cho mình thắng lợi.
7. Xa lìa tà đạo nhứt tâm chánh đạo.
8. Không phát khởi thân kiến( mê chấp cái thân), thấy rõ thân mình, và bỏ được các điều ác.
9. Đạt được đến sự an trụ kiến giải vô ngại (hiểu biết thông suốt tự tại).
10. Không gặp các tai nạn.

Nói rút lại tu theo thập thiện được nhiều sự lợi ích như đã nói trên.

Còn tứ đế là gì?

Tứ đế là bốn lẽ chắc thực, bốn chân lý mà đức Phật đã chứng nghiệm, phát minh và thuyết pháp đầu tiên tại vườn lộc uyển.

Xin kể và cắt nghĩa bốn chân lý ấy?

1. Khổ, 2. Tập, 3. Diệt, 5. Đạo.

**KHỔ:** là những nỗi đau khổ của chúng sinh. Có ba khổ, tám khổ cho đến tám vạn bốn nghìn khổ. Ở đây chỉ xin nói về tám khổ: Khổ sinh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ về yêu nhau mà phải xa cách, khổ về thù ghét mà vẫn gặp gỡ, khổ về mong cầu không được như ý, khổ về năm ấm sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức xí thịnh thái quá.

**TẬP:** là phiền não mê lầm kết tập, sinh ra khổ. Ví dụ thiên cận: Mắt đối với sắc sinh ra luyến ái, tai nghe tiếng sinh mê hoặc, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị thân chạm xúc, sinh tham trước, ý duyên pháp trần khởi phiền não, kết tập lại thành nhân mê lầm đau khổ.

Khổ là quả; tập là nhân.- nhân quả mê.

**DIỆT:** là cảnh diệt tận đau khổ, sinh tử tức là niết bàn.

**ĐẠO:** là con đường là phương pháp tu hành để diệt khổ đạt niết bàn. Như: giới, định, tuệ, 37 phẩm trợ đạo, v.v...Diệt là quả mà Đạo là nhân. Ấy là nhân quả ngộ.

Bát chánh đạo là gì?

Là con đường chính, có tám phần ( tám chi ):

1. Chính tri kiến: Thấy biết chân chính.
2. Chính tư duy: suy nghĩ chân chính.
3. Chính ngữ: Nói năng chân chính.

4. Chính nghiệp: Hành động chân chính.
5. Chính mệnh: sinh sống chân chính.
6. Chính tinh tiến: Tinh tiến một cách chân chính.
7. Chính niệm: tưởng niệm chân chính
8. Chính định: định tâm chân chính.

Tu theo bát chính đạo được lợi ích gì?

Chúng sinh điên đảo, từ tâm thức cho đến hành động, gây nhân cảm quả, bị đọa lạc luân hồi. Tu theo tám điều này là đặt chân lên đường đi đến cõi Phật, và một ngày kia sẽ được đạo quả Niết bàn.

Thập nhị nhân duyên là gì?

Thập nhị nhân duyên là: vô minh, hành thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, ái, thủ, hữu, sinh, lão, tử.

Nghĩa là thế nào?

Nhân là hạt giống, là nguyên nhân, duyên là những cái phụ thuộc, giúp đỡ cho hạt giống cho nguyên nhân phát sinh kết quả. Như hạt giống lúa gieo xuống đất, nhờ đất, nước, ánh nắng, v.v...mà nảy mầm sinh cây lúa. Nhân duyên lại có nghĩa là quan hệ lẫn nhau. Cái này có nên cái kia có, cái kia có nên cái nọ sinh ra... Mười hai món này làm nhân, làm duyên sinh ra nhau, quan hệ lẫn nhau nên gọi là mười hai nhân duyên.

1. Vô minh là không sáng, tức là sự tối tăm, ngu si không trí tuệ, tức là chỉ chung sự mê lầm của chúng sinh.
2. Hành là hành động, tạo nghiệp, kết quả của vô minh, không trí tuệ.
3. Thức là thức tâm. Do hành mà tạo nghiệp cảm thức tâm đi đầu thai.
4. Danh sắc. Thức tâm đầu thai, bầm thụ tinh huyết cha mẹ thành thai, có thọ, noãn, thức. Thọ là sự sống, noãn là hơi nóng, thức là thức tâm.

Danh là thức tâm, sắc là thể chất, gọi chung thức tâm và thể chất, nên nói danh sắc.

5. Lục nhập. Cái thai càng ngày càng lớn đủ sáu giác quan, gọi là lục nhập.
6. Xúc. Thai thân đủ tháng ngày, lọt lòng mẹ chào đời, cảm xúc những sự nóng lạnh, đói khát v.v... chưa đủ trí phân biệt.
7. Thụ. từ năm, sáu tuổi đến mười một, mười hai tuổi, do xúc mà cảm chịu sự vui khổ.
8. Ái: Từ mười ba, mười bốn, mười lăm tuổi sắp lên, do thụ mà phát sinh tự ái nhiễm.
9. Thủ: Từ mười hai tuổi sắp lên, do ái mà mong cầu tìm kiếm giữ lấy.
10. Hữu: Bởi thủ nên hành động, tạo nghiệp, gây nhân cho đời sau.
11. Sinh: Bởi có nhân (hữu), nên cảm nghiệp phải sinh ra đời sau.
12. Lão tử: Có sinh tất phải chịu già, bệnh, chết kết quả một đời người.

Lục độ là gì?

Lục độ là: 1. Bố thí. 2. Trì giới. 3. Nhẫn nhục. 4. Tinh tiến. 5. Thiền định. 6. Trí tuệ.

Xin cắt nghĩa cho rõ?

Bố thí: là đem những gì mình có chia sẻ, giúp đỡ cho người, vật. Muốn thoát nạn nghèo khổ, bần cùng, được sinh non, thiên, đời đời phú quý, trường thọ tôn vinh, thì phải bỏ tính keo tham, gian lận phát tâm rộng lớn, làm hạnh bố thí, mà còn đem cả đất nước, thành quách, vợ con, cho đến cả thân mình mà bố thí một cách bình đẳng, không phân biệt chủng loại, sang hèn, tự mình phát tâm bố thí, chứ không đợi chúng sanh phải đến xin.

Những kẻ tham xén, tích trữ không làm hạnh bố thí, đó là họ tự trồng cái nhân bần cùng và ngã quý. Họ tự đưa mình vào chỗ tối tăm khổ sở. Kinh

sám nói: Khi sinh không có mang cái gì ra, khi chết cũng không mang được cái gì theo, chỉ mang lấy cái nghiệp theo mình. Vậy ta tiếc gì nữa mà không bố thí? Bố thí ta sẽ được an vui sung sướng, và ta là người thực hành hạnh Bồ Tát vậy.

Trì giới: Giới là điều răn cấm của Phật chế ra. Giữ giới là chặn đứng lại tất cả điều ác, và thoát khỏi cái lỗi lầm. Giữ giới cũng là cái nhân để thành Phật. Phật chứng được pháp thân thanh tịnh cũng do Ngài giữ giới trong ba A tăng tỷ kiếp (vô số kiếp).

Đứa con không nghe lời cha mẹ là đứa con bất hiếu, đứa con bỏ đi. Chúng ta là đệ tử Phật, mà không giữ giới thì không dứt được nhân ba cõi, và dĩ nhiên không thoát được sinh tử luân hồi. Vậy muốn thoát ô uế, dơ bẩn, phàm tục chúng được pháp thân thanh tịnh như Phật, thì phải thực hành trì giới, và đó cũng là cách “Hiếu” với cha lành của chúng ta vậy.

Nhẫn nhục: là nhẫn chịu sự nhục. Các vị tỳ kheo hỏi Phật: Cái gì là đại lực. Đức Phật Tỳ Bà Thi nói: “nhẫn nhục là đạo thứ nhất”. Cho biết nhẫn nhục không phải là hạnh tầm thường. Nhẫn nhục để diệt tính tức giận, kiêu ngạo và bạo tàn. Nói gần nhẫn nhục tránh cho ta nhiều sự phiền phức, tai hại có thể xảy ra vì sự nóng nảy bùng bột trong nhứt thời.

Nhẫn nhục có hai thứ: 1. Sinh nhẫn (nhẫn loài hữu tình) 2. Pháp nhẫn (nhẫn vật vô tình).

Sinh nhẫn lại chia làm hai: Được người cúng dàng, tôn trọng mà tâm không chấp, không hãnh diện, gọi là nhẫn cảnh thuận. Gặp kẻ đánh mắng, làm hại mà nhẫn được, không bực bội phiền não, gọi là nhẫn cảnh nghịch.

Pháp nhẫn cũng chia làm hai: Nhẫn chịu được sự nóng, lạnh, mưa, gió, đói, khát..., gọi là nhẫn ngoại cảnh. Nhẫn chịu, đè nén được sự tức giận, lo phiền, nghi hoặc, kiêu mạn, dâm tà v.v... gọi là nhẫn tâm pháp (nội tâm).

Tinh tiến: là siêng năng tiến tới, phản nghĩa chữ lười biếng. Muốn thành công bất cứ một sự nghiệp gì trên thế gian, đều phải tinh tiến, phải có tâm cương quyết, mạnh mẽ, khí khái lướt tới.

Kinh pháp Hoa nói: Phật với Ngài A Nan đồng phát tâm tu hành ở đời đức Phật Không Vương. Ngài A Nan chỉ ham học hỏi, còn Phật tinh tiến tu hành, kết quả Phật thành đạo trước, Ngài A Nan còn phải làm thị giả theo hầu.



Thiền định: là định tâm làm một cảnh đề tiêu trừ vọng nghiệp, vọng niệm. Vọng niệm kết thì trí tuệ mới phát sinh. Như Đức Phật Thích Ca tu tập nhiều ngày, và sau 49 ngày nhập định dưới gốc cây bồ đề Ngài được giác ngộ thành Phật, đó cũng là nhờ công năng của thiền định.

Trí tuệ: là sự thông hiểu, sáng suốt đoạn mê lầm, ngộ chân lý, tức là trí bát nhã vậy. Trí tuệ có chia ra thực trí và quyền trí. Thực trí là trí quan sát thấu đáo bản thể vũ trụ, thông suốt nguồn gốc chân lý. Quyền trí là trí thông suốt hiện tượng vũ trụ, soi sáng thiện, ác, chánh, tà.

Tóm lại, bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ là sáu phép tu để đối trị tham sân, tà ác, giận tức, lừa dối, tán loạn, si mê ( gọi là lục tế), và đưa ta đến bờ giác ngộ an vui, cũng như con đò đưa ta từ bờ sông này đến bờ sông kia, nên gọi là Lục độ.

Đoạn trước đã nói thập thiện tức là thập ác, nghĩa là sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác, nói đơm đặt thêu dệt, tham dục, giận tức, tà kiến ngu si, thân làm, miệng nói, ý nghĩ những điều như trên, thì gọi là thập ác.

Thập ác chia làm ba bậc: bậc thượng, bậc trung, bậc hạ. Thập ác bậc thượng là nhân của địa ngục, bậc trung là nhân của súc sinh, bậc hạ là nhân của ngạ quỷ ( loài quỷ đói ).

Nói rõ thì, tội sát sinh phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Hết ba báo này, nếu được làm người thì phải chịu hai quả báo: chết non, nhiều bệnh.

Tội trộm cắp cũng bị đọa như trên: sau khi làm người bị hai quả báo: nghèo cùng, đói khát và chung tiền của không được sử dụng một cách tự tại.

Tội tà dâm cũng bị đọa như trên: sau khi làm người phải bị hai quả báo: vợ không trinh thuận hiền lương, và không được họ hàng tùy theo ý mình.

Tội nói dối cũng bị đọa như trên: sau sinh làm người phải bị hai quả báo: bị nhiều người phỉ báng, và bị người lừa dối.

Tội nói hai lưỡi cũng bị đọa như trên: sau sinh làm người bị hai quả báo: thường bị nghe những tiếng nói ác, và ham tranh giành kiện tụng.

Tội nói đơm đặt thù dật cũng bị đọa như trên: sau sinh làm người phải bị hai quả báo: nói không ai nghe và nói không được khúc chiết, linh động/

Tội tham dục cũng bị đọa như trên: sau sinh làm người bị hai quả báo: tâm không biết tri túc (vừa đủ), và lòng tham dục không chán.

Tội giận tức cũng bị đọa như trên: sau sinh làm người bị hai quả báo: thường bị người bới xấu, và thường bị chọc tức và làm hại.

Tội tà kiến ngu si cũng bị đọa như trên: sau sinh làm người bị hai quả báo: sinh vào nhà tà kiến (nhà không tin chân lý, chỉ tin càng tin nhầm), và tính thường xu nịnh, bợ đỡ cong queo.

Lại còn có những ác nghiệp và ác báo khác như nhau:

Kẻ làm nghiệp sát sinh, sẽ bị quả báo chết non. Kẻ trộm cắp sẽ bị nghèo hèn khổ sở. Kẻ tà dâm sẽ bị làm chim sẻ, chim bồ câu, chim oan ương. Nếu được làm người phải sinh vào nhà tệ ác, gặp vợ không đoan chính. Kẻ hay nói ác sẽ bị họ hàng đấu tranh coi nhau như thù nghịch. Kẻ hay phỉ báng chê bai sẽ bị không lưỡi và lở mồm lở miệng. Kẻ hay nóng giận sẽ bị thân hình xấu xa tàn tật, còng gù. Kẻ hay bòn xén sẽ bị cầu gì cũng không được như ý nguyện. Kẻ ăn uống và vô độ sẽ bị đói khát và hay bị bệnh về yết hầu. Kẻ thích săn bắn sẽ bị quả báo điên cuồng mất mạng. Kẻ bội nghịch bất hiếu với cha mẹ, sẽ bị Trời Đất tai sát. Kẻ hay đốt rừng núi sẽ bị mê cuồng mà chết. Kẻ ăn ở tàn nhẫn với con cái hoặc mẹ ghẻ con chồng hoặc cha ghẻ con vợ, sẽ bị đầu thai trở lại làm con của con mình, và bị nó đánh đập lại. Kẻ hay giăng lưới bắt chim sẻ bị cốt nhục chia lìa. Kẻ huỷ báng Tam Bảo sẽ bị mù điếc, câm, ngọng. Kẻ khinh mạn giáo pháp sẽ bị ở mãi trong đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh). Kẻ tiêu phá của thường trụ sẽ bị luân hồi địa ngục ức kiếp. Kẻ ô nhục, xâm phạm người thanh tịnh và vu báng chư Tăng sẽ bị ở mãi trong loài súc sinh. Kẻ đổ nước sôi, đốt lửa, bằm chém sinh vật sẽ bị luân hồi thường mạng... Kẻ phá giới cầm trai sẽ bị làm cầm thú đói khát. Kẻ phá hoại tiêu dùng của cải phi lý sẽ bị thiếu hụt về nhu cầu. Kẻ kiêu mạn ngông nghênh sẽ bị làm thân hèn hạ, bị người sai khiến. Kẻ nói hai lưỡi, đâm thọc gây gỗ sẽ bị không lưỡi hoặc trăm lưỡi. Kẻ tà kiến tin nhầm, mê tín sẽ bị sinh vào chốn biên địa (kinh địa tạng).

Ác nghiệp có những ác báo như thế, nên người tu hành phải tự mình và khuyên người bỏ ác làm lành, và đó chính là ý nghĩa “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” của Phật giáo vậy. ^

### **3.- TĂNG**

Tăng là gì?

Tăng hay tăng già là tiếng Ấn độ. Trung Hoa dịch là Hòa, Chúng, hay Hòa Hợp Chúng, tức là một số đông chư tăng, từ bốn vị sắp lên, hoà hợp, chung sống với nhau theo sáu pháp hòa kính(lục hòa) của Phật dạy.

Một tỳ kheo có được gọi là tăng không?

Một hay hai tỳ kheo không thể gọi là Tăng, nhưng có thể gọi là Chúng.

Sáu phép hòa kính là gì?

Sáu phép hòa kính là:

1. Thân hòa đồng trụ: ở chung với nhau hòa thuận vui vẻ.
2. Khẩu hòa vô tránh: không tranh cãi nhau như người thế tục.
3. Ý hòa đồng duyệt: Không những miệng nói, mà đến ý nghĩ cũng vui hòa với nhau.
4. Kiến hòa đồng giải: thấy biết gì hay về đạo lý cùng cho nhau biết.
5. Lợi hòa đồng quân: có lợi dưỡng phải chia đều cho nhau
6. Giới hòa đồng tu: Cùng nhau tuân giữ những điều răn cấm của Phật.

Có thể phân biệt các hàng Tăng không?

Có thể phân biệt đại khái các hàng Tăng như sau:

1. Thinh văn Tăng. 2. Bồ Tát Tăng.

Thỉnh văn Tăng là những vị xuất gia tu theo tiểu thừa tam học, cắt tóc khoát cà sa, như hình tướng ta thường thấy.

Bồ Tát Tăng là những vị thật hành theo đại thừa tam học, hoặc cắt tóc xuất gia, hoặc vẫn hình tướng thế tục. Điều này thấy ở Trí Độ luận quyển thứ 34.

Lại có thể phân biệt: 1. Thỉnh văn Tăng. 2. Duyên giác Tăng. 3. Bồ Tát Tăng.

Duyên giác Tăng tức là những vị xuất gia theo tiểu thừa, cao hơn thỉnh văn Tăng một bậc. Bồ Tát Tăng tức là những vị tu hành đại thừa Bồ Tát.

Trong kinh điển lại có chia ra bốn hàng Tăng nữa:

1. Á dương Tăng. 2. Vô tu Tăng. 3. Hữu tu Tăng. 4. Chân thực Tăng.

Á dương Tăng tức là những tỳ kheo ngu si, không biết thiện, ác, trì, phạm, ra sao, mình sai lầm lại dắt dẫn người khác cũng sai lầm như mình (á dương: con dê câm).

Vô tu Tăng là những tỳ kheo tuy có hiểu biết, nhưng làm càng bướng, không biết hổ thẹn và sám hối những tội lỗi của mình.

Hữu tu Tăng là những tỳ kheo có hiểu biết, hổ thẹn sám hối những tội lỗi của mình đã phạm.

Chân thực Tăng là những tỳ kheo quán thông đạo lý, hành giải tương ưng, đầy đủ thánh đức, thuyết pháp độ sinh, xứng đáng với sự cung kính, cúng dường của mọi người.

Tăng có tự bao giờ?

Lúc Phật mới thành đạo, Ngài đến vườn Lộc uyển thuyết pháp Tứ đế lần đầu tiên cho nhóm ông Kiều Trần Như, cả thầy năm người đều được chứng đạo quả. Tăng xuất phát đầu tiên từ đây. Về sau lập thành giáo hội, và những vị xuất gia theo Phật giáo gọi là Tăng.

Thỉnh văn là gì?

Thỉnh văn là những vị nghe Phật thuyết pháp Tứ Đế, hoặc tu tập theo pháp Tứ Đế, mà được liễu ngộ chứng quả A La Hán, thoát vòng sinh tử luân hồi.

Duyên giác là gì?

Duyên giác là những vị quán lý Thập Nhị Nhân Duyên mà liễu ngộ, đắc quả.

Bồ Tát là gì?

Bồ Tát là những vị phát tâm rộng lớn trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh ( Bồ đề tâm), như Ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm, Địa Tạng...

Bồ Tát trên thỉnh văn, Duyên giác, và dưới Phật một bậc. Nếu phân biệt kỹ thì có Tam Hiền Bồ Tát, Thập Địa Bồ Tát, Đẳng giác Bồ Tát, sẽ thấy ở chương sau.

Lại có Nhất sinh Bồ Xứ Bồ Tát, tức là vị Bồ Tát sắp thành Phật. Như Ngài Di Lặc, đã được Đức Phật Thích Ca thụ ký sang tiểu kiếp thứ mười sẽ giáng sinh xuống cõi này thành Phật, giáo hóa chúng sinh.

Xem thế thì biết Bồ Tát là một cấp bậc cao siêu, tu hành nhiều đời nhiều kiếp. Đời nay có một số người mới thụ Bồ Tát giới, đã bắt chước gọi nhau bằng ông Bồ Tát, bà Bồ Tát, thực là lạm xưng một cách quá đáng, tội lỗi, nghĩ càng đau mà thêm buồn!^

#### **4.- CÔNG HẠNH TU CHỨNG**

Từ khi mới phát tâm Bồ Tát hạnh, đến khi thành Phật có bao nhiêu cấp bậc?

Từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật phải trải qua 51 cấp bậc.

51 cấp bậc là những gì?

Là: Thập tín, mười ngôi; Thập trụ, mười ngôi; Thập hạnh mười ngôi; Thập hồi hướng, mười ngôi; Thập địa mười ngôi; và Phật địa ( diệu giác) 1 ngôi.

Thập tín mười ngôi là gì:

1. Tín tâm trụ
2. Niệm tâm trụ.
3. Định tiến tâm
4. Tuệ tâm trụ.
4. Định tâm trụ
6. Bất thoái tâm.
7. Hộ pháp tâm
8. Hồi hướng tâm.
9. Giới tâm trụ
10. Nguyện tâm trụ.

Thập trụ mười ngôi là những gì?

Thập trụ mười ngôi là:

1. Phát tâm trụ
2. Trị địa trụ
3. Tu hành trụ
4. Sinh quý trụ
5. Phương tiện cụ túc
6. Chính tâm trụ.
7. Bất thoái trụ
8. Đồng chơn trụ
9. Pháp vương tử trụ
10. Quán đánh trụ.

Thập hạnh mười ngôi là những gì?

Thập hạnh mười ngôi là:

1. Hoan hỷ hạnh
2. Nhiều ích hạnh
3. Vô sân hạnh
4. Vô tận hạnh
5. Ly si loạn hạnh
6. Thiện hiện hạnh
7. Vô trước hạnh
8. Tôn trọng hạnh
9. Thiện pháp hạnh
10. Chơn thực hạnh.

Thập hồi hướng mười ngôi là những gì?

Thập hồi hướng nười ngôi là:

1. Cứu độ nhứt thiết chúng sanh, ly chúng sanh tướng hồi hướng
2. Bất hoại hồi hướng.
3. Đẳng nhứt thiết Phật hồi hướng
4. Chí nhứt thiết Phật hồi hướng
5. Vô tận công đức tạng hồi hướng
6. Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng
7. Tùy thuận đẳng quán nhứt thiết chúng sinh hồi hướng
8. Chân như tướng hồi hướng
9. Vô phược ( phược ) giải thoát hồi hướng.
10. Pháp giới vô lượng hồi hướng.

( sau thập hồi hướng có chỗ lập thêm tứ gia hạnh: Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất).

Thập địa mười ngôi là gì?

Thập địa mười ngôi là:

1. Hoan hỷ địa
2. Ly cấu địa
3. Phát quang địa
4. Diệm tuệ địa
5. Nan thắng địa
6. Hiện tiền địa
7. Viễn hành địa
8. Bất động địa
9. Thiện tuệ địa
10. Pháp vân địa.

Có thể nào xếp gọn và phân loại cho dễ nhớ không ?

Trong 51 cấp bậc ấy, quy lại và sắp theo thể thống thì có 5 bậc, gọi là ngũ nhãn như sau:

1. Phục nhãn, 2. Tín nhãn, 3. Thuận nhãn, 4. Vô sinh nhãn, 5. Tịch diệt nhãn.

A. Bậc thứ nhất là phục nhãn, có ba ngôi:

1. Tập chủng tính, tức là thập tín và thập trụ.

2. Tính chủng tính, tức là thập hạnh.

3. Đạo chủng tính, tức là thập hồi hướng. Ba ngôi này gọi chung là Tam hiền.

B. Bậc thứ hai là tín nhãn, có ba ngôi:

1. Hoan hỷ địa, tức là sơ địa trong thập địa.

2. Ly cấu địa, tức là nhị địa.

3. Phát quang địa tức là tam địa.

C. Bậc thứ ba là thuận nhãn có ba ngôi:

1. Diệm tuệ địa, tức là tứ địa

2. Nan thắng địa, tức là ngũ địa.

3. Hiện tiền địa tức là lục địa

D. Bậc thứ tư là vô sanh nhãn, có ba ngôi:

1. Viễn hành địa, tức là thất địa.

2. Bất động địa, tức là bát địa.

3. Thiện tuệ địa, tức cửu địa.



Đ. Bực thứ năm là tịch diệt nhãn, có ba ngôi:

1. Pháp vân địa, tức thập địa.
2. Phật địa, tức diệu giác Phật quả.

Nói tóm lại 51 cấp bực, xếp gọn thành 5 bực mười bốn ngôi.

Ngôi thứ nhất, phục nhãn, là tập chủng tính, do tu thập tín tâm mà thành vô lậu chủng tính.

Ngôi thứ hai, phục nhãn là tính chủng tính, bực Bồ Tát này tu mười món Ba La Mật, quán sát thân bất tịnh, thụ là khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã; lại tu thí, từ, tuệ; sau nữa quán sát ba đời và mười hai nhân duyên. Ở ngôi này có thể làm lợi ích lớn cho chúng sanh, vì đã bước qua ngã kiến, nhân kiến và chúng sinh kiến.

Ngôi thứ ba, Phục nhãn, là Đạo chủng tính, tức là làm nhân cho Vô lậu thánh trí của thập địa. Ngôi này trước quán năm uẩn, thứ quán nhân quả ba cõi, sau quán Nhị đế, được mười nhãn, giáo hóa chúng sinh, làm Chuyển luân vương cai trị bốn thiên hạ. ( trên đây là ba ngôi thuộc về phục nhãn ).

Ngôi thứ nhất, Tín nhãn, là Hoan hỷ địa. Ngôi này tu hạnh bố thí, đoạn trừ tham trong ba cõi, thành tựu công đức bố thí Ba la mật.

Ngôi thứ hai, tín nhãn, là ly cấu địa. Ngôi này đoạn trừ sân trong ba cõi, tu hạnh từ bi, thành tựu công đức trì giới Ba la mật.

Ngôi thứ ba, Tín nhãn, là Phát quang địa. Ngôi này đoạn trừ si trong ba cõi, tu Đại quang minh định, thành tựu công đức nhẫn nhục Ba la mật. Đến đây, Bồ Tát đủ ba phép minh và năm phép thần thông, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. ( trên đây là ba ngôi thuộc về tín nhãn ).

Ngôi thứ nhất, Thuận nhãn, là Diệm tuệ địa, tu hạnh tinh tiến, thành tựu công tiến Ba la mật; do Định Đại quang minh, mà được đại Trí tuệ như đám lửa cháy sáng.

Ngôi thứ hai, Thuận nhãn, là Nan thắng địa; do Diệu định mà thuận hành ngũ minh, được công đức định Ba la mật. Đến ngôi này, tùy theo sự nghiệp

thế gian, làm lợi ích cho chúng sinh, mà không bị vẩn đục, học thuyết thế gian mê hoặc, đó là điều rất khó nên gọi là Nan thắng.

Ngôi thứ ba, Thuận nhãn, là Hiện tiền địa, tu phép quán Nhị không, liễu ngộ lý Duyên sinh vô thể, quán mười hai nhân duyên, thành tựu công đức tuệ Ba la mật, trí vô phân biệt thường hiện tiền.

Ba ngôi này có thể một thân biến hiện khắp mười phương ức cõi Phật, làm lợi ích cho chúng sinh không thể tả xiết. (trên đây là ba ngôi thuộc về Thuận nhãn).

Ngôi thứ nhất, Vô sinh nhãn, là viễn hành địa, thường dùng trí vô phân biệt, thoát ly được tất cả chướng phiền não, siêu xuất hạnh quả Nhị thừa, đầy đủ phương tiện Ba la mật.

Ngôi thứ hai, Vô sinh nhãn, là Bất động địa. Ngôi này ly cả hữu, vô. Không trụ bên hữu tướng, cũng không trụ bên vô tướng, có năng lực hàng phục ma oán, không bị vô minh lay chuyển, được đại nguyện Ba la mật.

Ngôi thứ ba, vô sinh nhãn, là Thiện tuệ địa. Ngôi này chứng được bốn phép vô ngại giải, Nghĩa vô ngại giải, Từ vô ngại giải, Thuyết pháp vô ngại giải, có thể diễn thuyết khắp mười phương không sợ sệt, được công đức Ba la mật. Đến đây Bồ Tát thường thị hiện nhiều thân làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. (Trên đây là ba ngôi thuộc về Vô sinh nhãn).

Ngôi thứ nhất, Tịch diệt nhãn, là Đẳng giác địa, tức Pháp vân địa. Ngôi này do tu Kim cang dụ định, đoạn được tập khí các chướng, chứng được trí Ba la mật, và các công đức khác, gần bằng như Phật nên gọi là Đẳng giác.

Ngôi thứ hai, Tịch diệt nhãn, là Phật địa, tức Diệu giác Phật quả, thành tựu tất cả công đức vô minh dứt sạch, giác ngộ hoàn toàn, như hoa sen bừng nở, như người tỉnh cơn mê..., thấy biết những việc đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai; từ bi, bình đẳng, hung lực, quả quyết hơn tất cả Trời, Người, Phạm, Thánh; làm lợi ích cho muôn loài, cứu vớt chúng sinh nổi chìm trong sáu ngã.

Có thể nói đại khái sự hành hóa độ sinh của các cấp bậc kể trên không?

Trong kinh dạy: Các vị Bồ Tát thường thị hiện nhiều thân, trong nhiều quốc độ, tùy duyên hóa độ chúng sinh: Như ngôi Thập trụ Bồ Tát, làm vua ở châu

Đông thắng thần, thành trì bằng đồng, kiêm thống trị hai châu để giáo hóa chúng sinh.

Ngôi Thập hạnh Bồ Tát, làm vua ở châu Tây ngưu hóa, thành trì bằng bạc, kiêm thống trị ba châu để giáo hóa chúng sinh.

Ngôi thập Hồi hương Bồ Tát, làm vua ở châu Bắc câu lưu (cu lô), thành trì bằng vàng kiêm thống trị bốn châu, giáo hóa chúng sinh.

Ngôi sơ địa Bồ Tát, đi trăm cõi Phật, làm Chuyển luân thánh vương, cai trị châu Diêm phù đề, tu bách pháp Minh môn, giáo hóa chúng sinh.

Ngôi Nhị địa Bồ Tát, đi nghìn cõi Phật, làm vua cõi trời Đao lợi, tu thiên pháp Minh môn, giáo hóa chúng sinh ( thập thiện nghiệp đạo).

Ngôi Tam địa Bồ Tát, đi vạn cõi Phật, làm vua cõi trời Dạ ma, tu pháp Minh môn, y bốn pháp thiên định, giáo hóa chúng sinh.

Ngôi Tứ địa Bồ Tát, đi ức cõi Phật, làm vua cõi trời Đâu Suất, tu ức pháp Minh môn, và Bồ đề phận pháp, giáo hóa chúng sinh.

Ngôi Lục địa Bồ Tát đi ngàn ức cõi Phật, làm vua cõi trời Tha hóa tự tại, tu ngàn ức pháp Minh môn, và Thập nhị nhân duyên trí, giáo hóa chúng sinh.

Ngôi Thất địa Bồ Tát, đi muôn ức cõi Phật, làm vua cõi trời Sơ thiên, tu muôn ức pháp Minh môn, dùng trí phương tiện thiện xảo, giáo hóa chúng sinh.

Ngôi Bát địa Bồ Tát, đi trăm vạn ức vi trần cõi Phật, làm vua cõi trời Nhị thiên, tu trăm vạn số vi trần pháp Minh môn, song chiếu bình đẳng, dùng thần thông nguyện trí, giáo hóa chúng sinh.

Ngôi cửu địa Bồ Tát, đi trăm muôn ức A Tăng kỳ số vi trần cõi Phật, làm vua cõi trời Tam thiên, tu trăm ngàn muôn ức A Tăng kỳ số vi trần pháp Minh môn, dùng bốn trí vô ngại giáo hóa chúng sinh.

Ngôi Thập địa Bồ Tát, đi các cõi Phật nhiều không kể xiết, làm vua cõi trời Tứ thiên, tu pháp Minh môn nhiều không thể nói, được lý tận Tam muội, cùng tột nguồn gốc ba cõi, làm lợi ích cho chúng sinh đồng như cảnh Phật.

Ngoài ra các vị Bồ Tát, tùy cơ cảm của chúng sinh, hiện thân quý, thần, rồng, rắn, thảo, mộc, v.v... để hóa đạo chúng sinh, không thể dùng con mắt phàm trần của chúng ta mà thấy được.^

## 5. PHỔ THÔNG HÀNH TRÌ

Lễ Bái: Vì sao phải lễ bái?

Lễ bái là để tỏ lòng cung kính và biết ơn đối với chư Phật, chư Bồ Tát và Hiền, Thánh, Tăng. Lễ bái còn là phương pháp tiến đức, tiêu nghiệp và diệt trừ công cao ngã mạn. Con người ở đời có nhiều lý do, và nhiều phương diện mà sinh ngã mạn: Hoặc cậy mình là quý phái mà ngã mạn; hoặc cậy mình là bực cao mà ngã mạn; hoặc cậy mình học rộng mà ngã mạn; hoặc cậy mình nhiều tài mà ngã mạn; hoặc cậy mình giàu có mà ngã mạn v.v... Ngã mạn là một căn bệnh phổ thông mà trầm trọng của mọi người, nên đức Phật đặt tên nó là Mạn sơn, nghĩa là sự kiêu mạn của con người cao to như quả núi.

Không những người thế gian, mà đến ngay những vị tu hành cũng khó thoát khỏi được ngã mạn. Kinh Dược sư nói: "...cũng có người giới đức hoàn toàn, oai nghi đầy đủ, học rộng biết nhiều, có đủ chính kiến, mà mắc phải tăng thượng mạn!".

Vì tăng thượng mạn nên thân tâm mờ tối, ý mình chê người hủy báng chánh pháp. Kẻ ngu si ấy tự tạo tà kiến, lại còn dốt dẫn biết bao người lăn xuống hố sâu! Cũng vì thế mà họ chịu luân hồi nơi địa ngục, bàng sinh, ngã quý đau khổ không biết ngày nào thoát được!"

Chính muốn phá trừ ngã mạn cho chúng sinh, nên trong Phật pháp có đặt thành sự lễ bái. Nhưng xin nhớ rằng, lễ bái đây là lễ bái Phật, pháp, Tăng, Tam Bảo, chứ không phải gập đầu lễ đất, bắt kẻ gốc mít cây đa!...

Kinh Nghiệp báo sai biệt nói: “ lễ Phật một lễ, từ chỗ quỳ gối xuống đến kim cang tể, cứ mỗi hạt bụi là một ngôi Chuyển luân vương; lại được thêm mười công đức: 1. Sắc thân tốt đẹp, 2. Nói ai cũng tin, 3. Đối với đại chúng không sợ sệt, 4. Được Phật thường hộ niệm cho, 5. Có oai nghi đầy đủ, 6. Mọi

người thân thiện, 7. Các vị trời kính yêu, 8. Phúc đức ngày càng lớn, 9. Lúc mệnh chung được vãng sinh, 10. Chóng được đạo quả Niết bàn.

Vì thế nên nói rằng lễ bái là một phương pháp tiến đức tiêu nghiệp.

**VUA A DỤC LỄ TẶNG :** Vua A Dục là một ông vua tàn bạo, nhưng khi đã thấm nhuần ân đức Tam Bảo, ông lại là một người nhân từ và thâm tín Phật pháp. Ông nghĩ rằng cũng là con người, mà có người sinh ra bị bần cùng, hèn hạ, ngu si đần độn bị người đời khinh bỉ...; có người thì tôn vinh sung sướng, thông minh trí tuệ, được người kính yêu. Tại sao có sự chênh lệch khác nhau như vậy, nếu không phải do thiện, ác nhân quả của mỗi người như lời của đức Phật đã dạy? Thực vậy, ta được sinh vào dòng quốc vương để chúa, phúc như bốn biển, mọi người bái phục, dĩ nhiên đời trước ta đã trồng nhân lành nên nay mới được quả phúc như vậy. Từ nay ta phải thực hành tu phúc nghiệp.

Ông chăm bó thí cúng dàng, tôn kính Tam Bảo. Mỗi khi ra đường gặp các vị Tăng, ông quỳ bên đường, đợi cho các Ngài đi qua rồi ông mới đứng dậy. Khi đến chùa, ông lễ các vị sư một cách rất cung kính, và cứ thường thường như vậy.

Một hôm ông có một ông quan đại thần tâu với vua rằng:

Tâu Bệ hạ, các vị sư có người con nhà quý phái, cũng có người con nhà nghèo hèn, xin Bệ hạ đừng lễ bái như vậy. Bệ hạ là một vị vua cao cả, một người cha của tất cả bá quan và thần dân, nay Bệ hạ lễ các vị sư, hạ thần tự thấy nhục cho bá quan và thần dân lắm.

Vua A Dục nghe nói, Ngài mỉm cười làm thinh. Qua ngày sau, vua ra lệnh cho bá quan văn võ, hạn trong ba ngày, mỗi ông phải dâng một đầu con thú, riêng ông Đại thần nói trên, vua bắt phải tìm dâng một cái đầu người mới chết.

Sau khi các quan đã dâng đủ số đầu, vua hạ lệnh đem bán. Các quan đều bán được đầu thú phần mình, duy ông Đại thần đi bán đầu người đi bán mãi không ai dám mua; bất đắc dĩ ông phải đem về, tâu vua rằng:

Tâu Bệ hạ, hạ thần đi bán mãi không ai dám mua, mà còm ghê tởm, la ó là đấng khác.

Cái đầu người này không ai thèm mua, chứ những đầu người khác, nếu có chắc bán được chứ?

Tâu Bệ hạ, không phải chỉ đầu này mà những đầu người khác nếu có, cũng chẳng ai thèm mua.

Thế đầu ta đây, nếu bán cũng không ai thèm mua sao?

Ông Đại thần bối rối và sợ hãi không dám trả lời.

Vua truyền:

Ông cứ việc nói, ta cho phép.

Tâu Bệ hạ, thật thế. Đầu Bệ hạ giả sử đem bán cũng chẳng ai mua.

Bấy giờ vua A Dục nghiêm giọng phán bảo ông Đại thần:

Cái đầu ta đây, cũng là một vật tầm thường, vô giá trị như tất cả những đầu người khác. Vậy ta đem cái đầu này lễ bái các vị sư để tiêu tội, tăng phúc, là một việc làm có ý nghĩa và hữu ích, sao người lại can ta?! Đức Phật có dạy “Người có trí, thì vật không giá trị, cũng làm nên có giá trị”.

Vậy từ nay ông không nên khuyên can ta nữa.

Ông Đại thần vội vàng quỳ xuống tạ tội, và từ đấy ông phát tâm tôn sùng Tam Bảo...

TỤNG KINH: Ta tụng kinh, Phật có nghe biết không ? và sự tụng kinh đem lại cho ta những lợi ích gì?

Sự ta tụng kinh Phật nghe biết hay không chúng ta hãy dùng trí tuệ để nhận xét. Đức Phật có dạy rằng: “Âm thinh chu biến pháp giới”, không còn là vấn đề nan giải nữa.

Vấn đề thứ hai, đức Phật đã thành tựu trí tuệ viên mãn, sự thấy, nghe, hiểu biết của Ngài quán triệt mười phương thế giới. Kinh Bảo Tích nói: “ từ một tư tưởng hoặc một lời nói của chúng sinh, chư Phật ở mười phương đều hiểu biết”. Kinh Pháp Hoa cũng nói: “chúng sinh có bao nhiêu tâm niệm, Như

Lai đều thấy hết biết hết”. Vậy thì ta tụng kinh, lời cầu nguyện rung cảm, dâng lên pháp giới, lẽ nào đức Phật lại không nghe thấy?

Và đây là một chứng nghiệm: Ngài Xá Lợi Phất là một đệ tử bậc nhất của đức Phật. Muốn thí nghiệm âm thanh chu biến thế nào, Ngài hiện thân thông bay sang một thế giới cách cõi ta vô biên vô số quốc độ. Ở đây Phật và chúng Tăng (con người) to lớn lắm, đến nỗi ông đi trên cái miệng bát của chúng Tăng, và các vị bên ấy chỉ thấy ông như một con kiến mặc cà sa! Các vị hỏi Phật, Phật nói: “đó là đệ tử của Đức Phật Thích Ca ở thế giới ta bà”.

Phật bảo ông hiện thân thông, ông liền hiện thân to lớn hơn các vị Bồ Tát bên đó nữa.

Trong khi ở đây, ông vẫn nghe tiếng thuyết pháp của đức Phật ở cõi này, và chứng nghiệm thật âm thanh chu biến như lời Phật dạy.

Còn tụng kinh được lợi ích gì? Thì, mỗi khi ta tụng kinh ta cầu gì hơn là được thấm nhuần lời Phật dạy, rõ sự lý tu hành, nhân quả tội phúc, minh tâm kiến tánh giác ngộ thành Phật.

Tụng kinh lại có thể tiêu trừ nghiệp chướng từ bao kiếp dẫn lại.

Tụng kinh cũng tức là chuyển pháp luân cho chúng sinh trong muôn nghìn triệu thế giới...

Phật là một vị đại sư của cả ba cõi, là đấng cha lành của bốn loài, hết thầy trời, người, phàm, thánh đều quy kính. Mỗi khi ta tụng những lời của Ngài, âm thanh rung động, thì tất cả thiên long bát bộ, Hộ pháp thiện thần đều tới chầu nghe và phù trì, ủng hộ cho ta những điều sở cầu được như ý...

**NIỆM PHẬT:** Vì sao phải niệm Phật?

Vì muốn nhớ đến Phật, muốn cho tâm ta và tâm Phật không bao giờ xa cách nhau, và muốn một ngày kia ta sẽ được gặp Phật, giải thoát mọi sự đau khổ ràng buộc, nên phải niệm Phật.

Trong hội Lăng nghiêm, Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát có bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn, con nhớ vô số kiếp trước ( như cát sông Hằng) có đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Trong một kiếp có mười hai đức Phật nối tiếp nhau ra đời. Đức Phật cuối cùng hiệu là Siêu Nhựt Nguyệt Quang. Ngài dạy

con phép niệm Phật tam muội. Ví như có hai người, quan hệ với nhau, mà một người thì hữu tâm nhớ bạn, người kia thì vô tình lãng quên. Như vậy, giữa hai người đó, hoặc họ gặp nhau, hoặc không thấy nhau. Nếu hai người đều nhớ nhau, như hình với bóng.

Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh, như mẹ nhớ con; nếu con bỏ trốn đi, thì dù mẹ nhớ cũng chẳng ích gì. Bằng con nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời không bao giờ xa cách. Nếu lòng chúng sinh nhớ Phật, niệm Phật, thì đời này hay đời sau, quyết định thấy Phật, cách không xa, không cần phương tiện mà lòng tự khai giải...

Đức Phật Di Đà có nguyện rằng: “Nếu chúng sinh nào muốn sinh sang nước ta, một lòng chí thành, niệm danh hiệu ta, cho đến chỉ được mười niệm, nếu chúng sinh đó không được vãng sinh, ta thề không thành Phật”.

Còn nhiều lời dạy quý giá nữa, đại khuyên người niệm Phật. Vì thế nên ta niệm Phật và khuyên mọi người đồng niệm Phật như ta.

Những kẻ ác nghiệp, tội lỗi đầy trời, niệm Phật cũng được vãng sinh sao?

Nếu họ chí thành mong mỗi được gặp Phật, được vãng sinh, như đói mong cơm, như khát mong nước, như lửa cháy mong người cứu, như té nước mong người vớt lên... thì họ cũng sẽ được vãng sinh.

Chúng ta hãy xem hòn đá kia. Hòn đá tuy nặng, nhưng nhờ sức thuyền chuyên chở, cũng được qua sông. Người niệm Phật cũng thế, tuy có tội nặng, nhờ uy thần Phật tiếp dẫn, cũng được vãng sinh. Trái lại, những kẻ ít tội, mà không niệm Phật, dĩ nhiên không được vãng sinh, cũng như cái kim tuy nhẹ, mà không người mang vẫn chìm xuống nước.

Nếu vậy, người đời cần gì phải làm lành lánh dữ, cứ chờ đến lúc gần lâm chung niệm ít câu Phật có hơn không?

Những người tội lỗi nhiều, chưa biết công đức Tam Bảo và chưa hiểu tội phúc ra sao, khi được nghe thấy công đức niệm Phật, và công việc làm của mình toàn là ác nghiệp, bấy giờ họ hồi tâm sám hối, và chí thành niệm Phật nên được Phật lực tiếp dẫn. Còn những kẻ chủ tâm tạo ác, không chút hối lỗi, lại suy tính hơn thiệt, lợi hại trong sự niệm Phật, thì đủ thấy họ không thành tâm thực ý; mà đã không thành tâm thực ý thì làm sao được Phật tiếp dẫn vãng sinh.



Những người sát sinh hại mạng, Phật lại xá tội mà độ cho họ, chẳng hóa ra Phật bất công lắm ư?

Trước kia họ tạo tội là vì mê lầm không biết; ngày nay họ niệm Phật là do thành tâm thực ý, cầu tiêu tội đặng phúc, nên Phật chứng cho.

Trên thế gian, những vụ ngộ sát, một là bị án nhẹ, hai là bồi thường phần nào, ba là được tha bổng, là vì sao? Là vì đương sự lầm, không biết, chứ không phải cố ý, nên được xử nhẹ, hoặc tha. Người tạo ác niệm Phật ở đây cũng thế. Trước kia họ tạo ác, sát sinh hại mạng là vì mê lầm không biết. Ngày nay hồi tâm niệm Phật, là có ý hồi ác tu thiện, thì lẽ nào Phật không độ họ được vãng sinh.

Trong phẩm công đức niệm Phật, điều thứ sáu nói: “Chúng sinh nào phát tâm niệm Phật, thì những oan mạng họ đã sát hại đời này hoặc bao đời trước, nhờ công đức ấy mà những oan mạng được giải thoát; Vì được giải thoát nên không theo giới báo thù, nên đôi bên đều được lợi ích cả”.

Như vậy, niệm Phật không những được tiêu tội mà còn giải oan là khác.

Niệm Phật phải thế nào?

Niệm Phật phải:

1. Miệng niệm (Nam mô A Di Đà Phật), tai cần nghe rõ sáu chữ, tâm phải tư tưởng sáu chữ, đừng hoan mang tạp loạn, nghĩ chuyện này sang chuyện khác, đó là chính niệm. Nếu trái lại miệng niệm Phật mà ý nghĩ xằng, tức là tà niệm và không thành công.

2. Miệng niệm Phật, tâm tưởng tượng hình tướng đức Phật A Di Đà, không tưởng hình tướng gì khác, đó là chính niệm, Nếu miệng niệm mà tâm tưởng niệm những hình tướng khác là tà tưởng, và không thành công. Tuy nhiên, nếu lòng tha thiết với Phật, thì lâu ngày cũng được Phật chứng cho và được thành công.

**SÁM HỎI:** Sám hối là gì?

- “sám” là tiếng Ấn Độ, nghĩa là ăn năn, hối hận những tội lỗi đã tạo từ trước. “hối” là tiếng Trung Hoa, nghĩa là chừa bỏ, không dám làm những ác nghiệp về sau. Sám tức là hối, nói chung hai thứ tiếng, là sám hối.

Tội lỗi từ đâu mà có?

Tội lỗi từ thân, miệng, ý ba nghiệp phát sinh.

Kinh sám nói:

“ Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp,

Giai do vô thí tham, sân, si.

Tùng thân ngữ ý chi sở sinh,

Nhất thiết ngã kim giai sám hối”.

Nghĩa là:

Con trước gây bao ác nghiệp,

Đều do vô thí tham, sân, si.

Từ thân miệng, ý phát sinh ra,

Tất cả con nay xin sám hối.

Lại có bài kệ:

Giả sử bách thiên kiếp,

Sở tác nghiệp bất vong,

Nhân duyên hội ngộ thời,

Quả báo hoàn tự thụ.

Tạm dịch:

Dầu cho trăm ngàn kiếp,  
Nghệp đã tạo không mất,  
Khi nhân duyên gặp thời,  
Quả báo tự chịu tất.

Kinh Thập Thiện Nghiệp đạo nói: tất cả chúng sinh tâm tưởng khác nhau, nên tạo nghiệp cũng khác nhau, vì thế phải luân chuyển trong các nẻo.

Chúng ta hãy để mắt xem: trên thế gian, không những một loài người, mà còn rất nhiều loài khác: chim bay trên không (không hành), cá lặn dưới nước (thủy hành), thú chạy trên đường (lục hành), cho đến thảo mộc, côn trùng... muôn loài hình tướng khác nhau, vì sao như vậy? Đó là nghiệp của mỗi loài khác nhau, nên thụ báo cũng khác nhau.

Đức Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp quang minh chói sáng mười phương, cũng do nghiệp tạo thành. Các vị Bồ Tát thân tướng trượng phu, tươi đẹp, cũng do nghiệp sinh ra. Cho đến những kẻ nghèo hèn, tàn tật, thân thể xấu xa; loài ngựa quý; đói khát; kiếp cầm thú đọa đày cũng đều do nghiệp mà chịu quả báo.

Vậy chúng ta muốn thoát khỏi ác báo, được phúc báo trang nghiêm thì phải thành tâm tha thiết sám hối, nguyện xả tà quy chính, bỏ ác làm lành.

Tội có thể rửa được không?

Muốn biết có rửa được không, ta thử hỏi: tội có hình tướng không? Và tội ở chỗ nào? Nếu tội không hình tướng, và không chỗ ở, thì rửa vào đâu và rửa sao cho sạch được?

Ví như kẻ cầm dao chém người, là kẻ có tội; vậy thì cái tội ấy ở tay, ở đầu hay ở toàn thân? Nếu tội ở tay, chỉ riêng cái tay chịu trách nhiệm, thì cũng chưa phải, vì tay còn phải có thân thể mới hành động được. Nếu là tội ở đầu, thì vô lý quá, vì cái đầu có cầm dao chém người đâu? Nếu tội cả toàn thân, thì chả hóa ra da thịt đều là tội cả sao? Như vậy thì biết rửa ở đâu, và rửa làm sao cho sạch được?

Theo Phật pháp, có một cách làm cho sạch tội sinh phước. Chúng ta hãy thành kính đọc những lời sau đây: “Bồ Tát có một phép tiêu diệt được tất cả các tội ác đạo, làm cho ba nghiệp được luôn luôn trong sạch, làm cho pháp lành luôn luôn xuất hiện; không cho một ác nghiệp nào xen vào, thì ác pháp sẽ tiêu diệt và thiện pháp được viên mãn thì được thân cận chư Phật, chư Bồ Tát và hiền thánh Tăng”.

## CÚNG DÀNG:

Cúng dàng là gì? Cúng dàng là đem các món nhu cầu dâng lên Phật, Pháp, Tăng, Sư trưởng, Cha Mẹ; hoặc cung cấp cho chúng sinh, là cúng dàng.

Có mấy cách cúng dàng?

Có hai cách cúng dàng: Tôn king Tam Bảo, thành tâm lễ bái, hiếu thảo cha mẹ, thương xót chúng sinh, là cúng dàng tinh thần. Đem các món nhu cầu cơm áo, thuốc thang...dâng cúng, cung cấp như đã nói trên, là cúng dàng vật chất.

Lại có một lối cúng dàng cao thượng hơn hết. Kinh nói: “trong các lối cúng dường, pháp cúng dường là bậc nhất”.Pháp cúng dường tức là thâm tín Phật pháp, nghiên cứu Phật pháp, đọc tụng Phật pháp, thụ trì Phật pháp, giảng diễn Phật pháp, làm cho Phật pháp lan tràn khắp mọi nơi, người người đều thấm nhuần ân đức của Phật, xây dựng bản thân, gia đình, quốc gia, xã hội trong tinh thần giác ngộ, an lạc và hòa bình...

Đứng về mặt tu thân, sửa tính, đoạn vọng, chứng chân, cúng dàng còn có nghĩa là trừ sạch ba nghiệp, không sân, không nhiễm, toàn thân thanh tịnh, chói sáng, chí thành dâng lên Tam Bảo.

Kệ rằng:

Diện thượng vô sân cúng dàng cụ,

Khẩu lý vô sân thổ diệu hương,

Tâm lý vô sân chân dị bảo,

Vô sân vô nhiễm thị chân thường.

Tạm dịch:

Trên mặt không sân: phẩm cúng dàng,

Giận không xuất khẩu thổ hương đàn(chiên đàn)

Tâm không sân nộ là trần bảo,

Không sân, không nhiễm đạo chân thường.

TRÌ CHÚ: trì chú để làm gì?

Trì chú để cầu trí tuệ, tiêu nghiệp chướng, diệt tội khiên, giải oan kết, ngày đêm an lành, vãng sinh cực lạc...

Xin cắt nghĩa thêm?

Chú là một bí ngữ, bí quyết của chư Phật, nghĩa lý nhiệm mầu vô biên, dù cho các trời, người, quỷ, thần cũng không thể nào hiểu thấu được. Nếu ai chí thành trì tụng, giữ đúng phương pháp, nghi thức thì quyết định được hiệu nghiệm vô cùng. Cho nên trì chú cũng là một môn tu trong đạo Phật, thuộc về Mật Tông, cũng gọi là Chân ngôn tông, Phật giáo Tây Tạng thiên trọng về tông này.

Thần chú có nhiều bài, mỗi bài có mỗi hiệu nghiệm, linh ứng khác nhau. Như chú thất Phật diệt tội chân ngôn để cầu diệt tội sinh phúc; chú vãng sinh để cầu sinh sang cực lạc v.v...

Trên hội Đại bi, đức Bồ Tát Quan Thế Âm bạch Phật rằng: “bach đức Thế Tôn, nếu chúng sinh nào trì tụng thần chú đại bi, mà sau khi chết phải đọa vào ba đường ác, con thề không thành Chánh giác...”. Thần chú Đại bi có rất nhiều hiệu nghiệm thiêng liêng, vì thế rất nhiều người thụ trì chú này.

CHÚ ÁN XỈ LÂM, BỘ LÂM: Chú Án xỉ lâm, Bộ lâm có thần hiệu hàng phục được tám bộ chúng, và tiêu diệt được tất cả tà chú, ác chú của ngoại đạo. Chú này là đỉnh đầu của chư Phật, là tâm của đức Văn Thù Bồ Tát, phá tan được tất cả sự sợ hãi của chúng sinh, và làm cho chúng sinh được an vui. Nếu ai tụng chú này bốn phương, trong năm trăm do tuần, những ác thần ác quỷ đều phải lẩn trốn, các ác tinh và thiên ma không dám đến gần.

Theo lời kinh dạy, chúng ta trì tụng chú này sẽ trừ được các tai nạn, không cần phải giải sao, giải hạn, bùa yểm trạch, bùa yểm trùng... là các phù phép ngoại đạo xen trộn vào Phật giáo, làm sai lạc chánh giáo của Phật. Mong các hàng Phật tử chân chánh lưu tâm.

Cách trì chú: Thành tâm đọc: “Án Xi Lâm”, càng nhiều càng tốt.

Rồi đọc qua: “Án Bộ Lâm”, cũng như cách trên.

## BIỆN MINH TÀ CHÁNH

Cúng dường tinh giải hạn.

Trước hết xin nói ngay rằng môn cúng này không phải của Phật giáo. Tuy không phải của Phật giáo, nhưng từ lâu bị một số người đưa vào đạo Phật, trộn lẫn với chánh pháp, làm cho số đông người không hiểu Phật giáo, tưởng lầm rằng đó là đạo Phật. Tai hại nhất, là những khi cúng, thầy cúng cũng như tín chủ, không hiểu khẩn vái thế nào, mà cứ niệm A Di Đà Phật, hay mô Phật... cho nên nhiều người mới dễ bị lầm!

Theo thế gian, mỗi năm có ba tiết lớn là thượng nguyên, trung nguyên và hạ nguyên. Thượng nguyên vào rằm tháng giêng, để cầu Thiên Quan giáng phúc. Trung nguyên vào ngày rằm tháng bảy, để cầu Địa Quan xá tội, Hạ nguyên vào rằm tháng mười, để cầu Thủy Quan giải ách. Vì thế, ngày rằm tháng giêng dân gian cúng rằm tháng giêng để van vái, cầu xin Thiên Quan ban phúc cho họ. Lắm nhà không đợi đến rằm, cứ đầu năm đã xin lá bùa để dán nhà đề bốn chữ “Thiên Quan Tứ Phúc”. Vì có lệ cầu phúc đầu năm, nên cũng trong dịp đó người ta làm lễ nhượng tinh, giải hạn, nghĩa là nhượng trừ những sao xấu, cầu đảo những sao tốt xóa bỏ hoặc làm nhẹ những tai nạn, và ban cho họ những điều may mắn tốt đẹp.

Cũng có nhiều người không cúng sao trong ngày rằm mà lại cúng trong ngày mồng tám tháng Giêng, vì ngày mồng tám là ngày vía Ngọc Hoàng. Tục này chỉ người Trung Hoa và người Việt Nam có, còn các nước Âu Tây thì họ quan niệm về sao khác hơn.

Theo Phật giáo, con người còn mắc trong vòng sinh tử luân hồi, dĩ nhiên chịu sự kết phọc của nghiệp, và do đó có những sự tai nạn, đau khổ. Muốn tránh những sự không may, ta phải thành tâm, thiếu dục, bỏ ác, làm lành, và phải trì tụng kinh chú để cho tiêu trừ các nghiệp chướng và ác quả.

Kinh tiêu tai nói: “Nếu có vị quốc vương, đại thần hoặc nhân dân bị năm sao áp bức, hoặc sao La Hầu, sao Tuệ, sao Bội... chiếu cung bản mệnh, nên tụng chú tiêu tai thì tất cả tai nạn sẽ tiêu diệt hết. Chú này có năng lực thần hiệu trừ diệt tám muôn hung nghiệt và thành tựu tám vạn cát tường...”.

Là Phật tử, chúng ta nên thực hành theo lời Phật dạy, và như thế tức là chúng ta làm đúng chánh pháp, loại ra những cái gì không phải Phật pháp.

### GIẢI OAN, THÍCH KẾT

Vô thủy luân hồi thiên vạn kiếp,

Giai do phiền não bất giải thoát,

Ngã kim đoạn trừ phiền não căn,

Lục ba la mật vi giải kết.

Tạm dịch:

Vô thủy luân hồi ngàn muôn kiếp,

Đều do phiền não không giải thoát,

Tôi nay đoạn trừ phiền não căn,

Sáu Ba la mật làm giải kết.

Bài trên đây trong khoa oan kết. Chúng sinh sinh tử luân hồi trong ngàn muôn kiếp, khi làm trời, khi làm người, khi làm súc sinh, ngựa quý, v.v... đều do thiện nghiệp hay ác nghiệp mà chiêu cảm. Nghiệp do đâu mà có? Do phiền não mê lầm không thoát ra được. Vậy muốn thoát luân hồi nặng khổ đau, thì phải đoạn trừ phiền não, giải thoát phiền não. Nhưng làm sao đoạn trừ phiền não được, nếu không có phương pháp hành trì? Thì đây: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ Lục Ba la mật, Lục độ là phương pháp để giải trừ phiền não.

Bản tính chúng sinh vốn sáng suốt, vì vô minh vọng động mà thành chân động nan phân, do đó hiện ra có nội tâm ngoại cảnh tất nhiên phát sinh phân

biệt, rồi tạo nghiệp, thụ khổ, nên khoa có câu: “Nghiệp, chuyển, hiện biến vi tam tế; trí, hệ, khổ biến vi lục thô”.

Con người sinh ra ở đời có thân tất nhiên có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt trông sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân chạm xúc, ý duyên pháp. Ấy là lục căn đối với lục trần. Mà căn trần đối nhau, tất nhiên sinh phân biệt, khởi phiền não. Ví như: Mắt trông thấy nữ sắc sinh tham, nhân tham sinh ái, nhân ái sinh dục; nếu ái, dục không được thỏa mãn tức sinh thù oán, như bao nhiêu việc xảy ra trên trường tình ta đã nghe thấy hoặc trông thấy. Ái dục oán thù đeo đuổi nhau đời này qua đời khác, lăn lộn mãi trong bể thăm sâu không bao giờ thoát ra được, nên khoa có câu: “Thức y căn, căn y trần, tam duyên hòa hợp; tình sinh ái, ái sinh dục, vạn kiếp luân hồi; nhứt nhứt kết vi oan gia hỷ, kiếp kiếp nan ư giải thoát”.

Vậy muốn thoát vòng oan kết, thì phải thật hành Lục Ba la mật, trở lại ý nghĩa bài kệ nói trên.

Hiện nay ta thấy có khoa cúng này, tức là do ý nghĩa trên mà lập ra. Tuy nhiên muốn được lợi ích thiết thực và đúng chánh pháp, phải thỉnh cầu chư Tăng chú nguyện Nhờ sức Tam Bảo mới có thể giải trừ mọi oan kết. Điều đó cần nhứt trong sự thanh tịnh, thành tâm, nếu xen vào những vọng niệm thế gian, thì không những không lợi ích mà còn đắc tội với Tam Bảo nữa.

## CÚNG PHÁ NGỤC

Trước hết xin nói về địa ngục. Địa ngục là một khu vực, một cảnh giới, trong đó những chúng sinh tạo ác nghiệp phải chịu những sự hình phạt xứng đáng, khi thời tiết nhân duyên đã đến.

Địa ngục có tính và tướng.

Tính địa ngục là con người có thân ngũ ấm: Sắc, thụ, tưởng, hành, thức. Ngũ ấm là lao ngục, tù hình, giam hãm, đày đọa con người phải chịu bao nhiêu sự đau khổ.

Tướng địa ngục là địa ngục có thành quách bằng sắt bao quanh, đủ những hình phạt lửa cháy, nước sôi, đao sơn, kiếm thụ, v.v...

Phá ngục tức là phá tan địa ngục, để cứu vớt những chúng sinh bị đọa đày, hình phạt ra khỏi cảnh đau khổ và được an vui tự tại.



Kinh dạy: “Nhứt thiết duy tâm tạo”. Khoa phá ngục nói: “Pháp giới không có chúng sinh; chúng sinh thấy có là do vọng kiến biến thành”.

Đạo Phật vốn không có ngôn thuyết; ngôn thuyết là vì chúng sinh mà kiến lập. Trong giới chân như bình đẳng, vốn không có Phật và chúng sinh; Phật với chúng sinh đã không thì làm gì có thiên đường địa ngục.

Sở dĩ có địa ngục là do chúng sinh vọng kiến. Lục căn là thân chúng sinh; lục thức là tâm chúng sinh; lục trần là thể giới chúng sinh. Căn, Trần, Thức hòa hợp thành mười tám giới; mười tám giới thành mười tám tướng tư; mười tám tướng tư thành mười tám địa ngục.

Nếu chúng sinh giác ngộ, nhận thức thân, tâm, thể giới là vô thường, là khổ, là không thù vạ duyên dứt sạch, tư tưởng như không, đạt được một niệm không sinh, tức là chuyển mười tám giới thành mười tám La Hán...

Cũng như giải oan thịch kết, phá ngục cần phải thực tu, thực chứng, thành ý, khổ công mới có kết quả, chớ không phải chỉ căn màn, che vải, đập bát, tiếp vong... mà gọi là đầy đủ nghi thức đàn tràng.

Các hàng Phật tử chân chính, xin hãy lưu tâm.^

## 6. CÂU CHUYỆN KHỔ VUI

KHỔ...

Tại Tinh xá Kỳ viên, một hôm có bốn vị Tỳ kheo tranh luận nhau về vấn đề “Cái gì là khổ nhứt của thế gian?”. Vị thứ nhứt nói: “Dâm dục là khổ nhứt”. Vị thứ hai nói: “Đói khát là khổ nhứt”. Vị thứ ba nói: “tức giận là khổ nhứt”. Vị thứ tư nói: “Các Ngài nói sai hết! Kinh sợ là khổ nhứt”. Bốn ông không ai chịu ai.

Trong khi đó bỗng nhiên đức Phật đến. Ngài hỏi duyên cớ, các vị thuật lại như trên.

Phật dạy: “Các ông đàm luận nghĩa chữ khổ chưa đến nơi đến chốn. Cái khổ nhứt trong thế gian không chỉ qua cái thân. Vì có thân nên phải chịu đói, khát, rét, bức, tức giận, dâm dục, oan gia tỵ đầu... Thân là gốc khổ! Thân là nguồn họa! Bao nhiêu nỗi lao tâm khổ tứ, bao nhiêu điều lo sợ hãi hùng, bao nhiêu phiền não dày xéo tâm trí... Nói rộng ra những sự tàn hại lẫn nhau, sống, chết, đau khổ không ngừng trong ba cõi cái thân phải chịu cả. Cho biết thân là cái khổ nhứt. Các ông phải tu tịch diệt, giữ tâm cho chân chính, thân nhiên đừng màng tưởng đến những cái phù hoa bèo bọt của đời, thì sẽ thoát được đau khổ, và chứng Niết bàn an lạc...”.

## VUI

Hồi đó Phật ở nước Xá Vệ. Ngài ngự trong Tinh xá Kỳ đà, vườn ông Cấp cô Độc.

Có bốn vị Tân học Tỳ kheo ngồi chơi trong vườn hoa, chuyện trò vui vẻ. Mùi hương hoa phảng phất, gây cho họ những ý nghĩ lạc quan. Họ đưa ra vấn đề “vui” để đàm luận cùng nhau: “trên thế gian, cái gì vui nhứt?”.

Một vị nói: “Đầu năm, trăm hoa đua nở, cây cối xanh tươi, bấy giờ thì thưởng thức thú xuân, có lẽ vui nhứt”.

Một vị nói: “Gia đình sum họp, ăn uống vui chơi, đánh nhạc múa hát, tình tang tang tình... có lẽ vui nhứt”.

Một vị nói: “lắm tiền nhiều của, muốn gì được nấy, lên xe xuống ngựa, quân hầu đầy tớ ra vào tấp nập, có lẽ vui nhứt”.

Một vị nói: “vợ đẹp hầu xinh, quần là áo lượt, nước hoa thơm nức, sơn phấn điểm trang, vui chơi cho thỏa chí, có lẽ vui nhứt”.

Bỗng đức Phật đi đến. Với một dáng điệu uy nghiêm nhưng thương mến, Ngài bảo bốn thầy tỳ kheo kia rằng:

Các ông sai rồi! Những điều các ông đàm luận với nhau đó, chỉ là con đường đau khổ, lo sợ, nguy thân, mất mạng, chứ không phải sự vui vĩnh viễn đâu! Vạn vật, mùa xuân thì tươi, qua thu, đông thì tàn rụng. Gia đình hoan lạc có ngày phải biệt ly. Của cải, xe ngựa thuộc về ngũ gia, một mai rồi cũng tan mất hết. Vợ đẹp hầu xinh là gốc của sự yêu ghét. Yêu, vui rồi sinh lo buồn;

tham dự kết quả đi đến sự sợ hãi. Nếu không yêu vui, tham dự thì không lo buồn, sợ hãi gì hết. Kẻ phạm phu ở đời, gây thù kết oán, mất mạng, diệt nòi đau khổ vô kể...cho đến sa vào tam đồ, bát nạn, muôn ngàn đau khổ lo âu cũng do đó sinh ra...”

Bốn vị nghe Phật dạy xong, tinh ngộ, hổ thẹn sám hối, dốc lòng cầu đạo.^

## **7. VŨ TRỤ, NHÂN SINH.**

### TRƯỚC KHI VÀO CHUYỆN

Đức Phật thuyết pháp, tùy theo trường hợp, có nhiều ý nghĩa sâu xa, phải tinh tế mới nhận rõ được. Đại khái Ngài có bốn cách thuyết pháp: 1. Thế giới tất đàn. 2. Vị nhân tất đàn. 3. Đối trị tất đàn. 4. Đệ nhất nghĩa tất đàn.

Tất đàn là biến thí, nghĩa là cho chung cho khắp, tức là Ngài cung ứng công cộng, cho khắp tất cả.

Thế giới tất đàn, là lối thuyết pháp tùy thuận quan niệm phổ thông thế gian, mà mọi người đang sùng thờ.

Vị nhân tất đàn, là lối thuyết pháp tùy căn cơ, trình độ của người vấn đạo.

Đối trị tất đàn là lối thuyết pháp đúng theo chân lý, là lẽ nhiệm mầu cao siêu nhất, không đồng với ba lối thuyết pháp trên.

Về vấn đề vũ trụ, nhân sinh, đức Phật đã từng nói đến chương trình thuyết pháp của Ngài.

Nay xin biên soạn sơ lược để công hiến các độc giả, hầu giúp thêm một ít nghĩa thú về vấn đề này.

### 1. THẾ GIỚI THÀNH HOẠI VÀ CHƯ PHẬT RA ĐỜI

Ngày nay khoa học đã phát minh mỗi hành tinh là một thế giới phải trải qua bốn thời kỳ: Thành, trụ, hoại, không. Thời gian này gọi là một đại kiếp. Thành: là thời kỳ thế giới thành lập, thế giới tồn tại, và vạn vật phát sinh. Hoại là thời kỳ thế giới tan vỡ, tiêu hủy. Và không: là thời kỳ thế giới tan mất, trống không. Mỗi thời kỳ nói trên, là một trung kiếp. Thời kỳ thành, trải qua 20 lần tăng và giảm. Thời kỳ trụ, hoại, không cũng thế. Tăng là tăng thọ, nghĩa là cứ 100 năm tăng một tuổi, tăng dần lên đến khi con người thọ 84.000 tuổi, tốt bực giảm là giảm thọ, nghĩa là cứ một trăm năm giảm 1 tuổi; từ 84.000 tuổi giảm dần xuống đến khi con người chỉ còn 10 tuổi, là tốt bực, tức là lúc đó, khoảng 4,5 tuổi con người đã biết lấy vợ gã chồng, và đến 9, 10 tuổi đã già chết. Mỗi thời kỳ tăng, giảm như vậy gọi là một tiểu kiếp.

Hiện nay là thời kỳ trụ, tiểu kiếp thứ 9, vào lúc giảm kiếp.

Tám tiểu kiếp trước, không có Phật ra đời. Tiểu kiếp này thứ 9 có bốn đức Phật ra đời:

Đầu tiểu kiếp, con người thọ 84.000 tuổi, mỗi 100 năm giảm thọ 1 tuổi; giảm dần xuống khi con người còn thọ 60.000 tuổi, thì đức Phật Câu Lưu Tôn ra đời. giảm xuống 4 vạn tuổi (40.000), thì đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni ra đời; giảm xuống 2 vạn tuổi thì đức Phật Ca Diếp ra đời; giảm xuống còn 100 tuổi thì Đức Phật Thích Ca ra đời cách đây 2503 năm. Vậy con người chúng ta đời nay thọ chỉ còn 74, 75 tuổi.

Hết tiểu kiếp thứ 9 này, qua tiểu kiếp thứ 10, khi con người giảm thọ còn 80.000 tuổi, thì đức Phật Di Lặc ra đời, Sau đức Phật Di Lặc, sang tiểu kiếp thứ 11, 12, 13, 14 không có đức Phật nào ra đời. Tiểu kiếp thứ 15, có 994 đức Phật ra đời. Kiếp thứ 16, 17, 18, 19 không có đức Phật nào ra đời. Sang tiểu kiếp thứ 20, đức Phật Lô Lô Chí ra đời. Sau khi Ngài nhập Niết bàn là hết thời kỳ trụ, qua đời kỳ hoại, bấy giờ xuất hiện 7 mặt trời, thiêu hủy thế giới thành tro bụi, và đốt tiêu đến cõi trời Tam Thiên...

## 2. SỰ DUY TRÌ VÀ AN LẬP THẾ GIỚI

Ta thử nhắm mắt và thử tưởng tượng một khoảng trống không vô biên...Phật gọi là hư không vô biên. Trong khoảng trống không vô biên ấy, phát lên một luồng gió mạnh, quay cuồng, gọi là phong luân. Nhờ sức gió thổi mạnh, đỡ một lớp nước bao hàm thế giới, gọi là thủy luân. Qua tầng thủy

luân, có một lớp vàng, gọi là kim luân, qua tầng kim luân thì tới địa luân, tức là đất.

Thế giới này rộng lớn bao la, trung tâm điểm có một trái núi lớn gọi là Tu Di, cao 84000 do tuần; quanh núi có một con sông bao bọc gọi là sông Diêm phù. Về phía nam núi, có một cây to lớn gọi là cây Diêm phù. Dưới gốc cây này có một đồng vàng lớn phản chiếu ánh sáng lên mặt trăng, làm cho mặt trăng có sắc vàng và khí mát. Ngoài con sông Diêm phù, về phía nam núi Tu Di, có một châu lớn gọi là Nam Thiệm bộ châu (quả đất hay thế giới chúng ta ở là châu này), có hai châu nhỏ ở hai bên. Phía Bắc núi Tu di, có một châu lớn gọi là Bắc câu lưu châu (Cu lô), có hai châu nhỏ hai bên. Phía Đông trái núi, có một châu lớn gọi là Đông thắng thần châu, có hai châu nhỏ hai bên. Phía Tây núi, có một châu lớn gọi là Tây ngưu hóa châu, cũng có hai châu nhỏ hai bên. Tổng số bốn phương có bốn châu lớn và tám châu nhỏ.

Ngoài những châu này có một lớp nước mặn bao bọc gọi là hàm thủy hải; qua tầng nước mặn, có một tầng nước lạt bao quanh gọi là Đạm thủy hải; qua tầng đạm thủy, có một tầng nước thơm bao bọc, gọi là hương thủy hải; qua tầng hương thủy hải, có bảy lớp núi vàng bao quanh, gọi là thất trùng kim sơn; qua thất trùng kim sơn, lại có bảy tầng núi sắt bao bọc, gọi là thất trùng thiết vi sơn.

Lưng chừng núi Tu di, có bốn cõi trời gọi là Tứ Thiên Vương, do vị tỳ sa môn thiên vương làm chúa tể, kiêm thống trị quỷ thần trong bốn châu thiên hạ. Từ cõi trời này trở lên không phải dùng mặt trời, mặt trăng làm ngày đêm, mà chỉ dùng hoa sen nở, cụp làm định hạn. Một ngày ở đây tính ra là 50 năm ở cõi ta.

Trên đỉnh núi Tu di, có một cõi trời gọi là Đạo lợi, do bốn vị Đế Thích làm vua trung ương; bốn phương, mỗi phương lại có tám cõi trời, nhân thành ba mươi hai cõi, cộng với cõi trung ương thành ba mươi ba cõi, nên cõi trời này cũng gọi là Tam thập tam thiên. Ở đây cũng dùng hoa sen nở cụp làm ngày đêm, và lâu gấp hai cõi trời Tứ thiên vương.

Trên cõi này là không gian, không có dính dấp gì đến quả đất.

Cách xa gấp hai lần từ cõi ta đến cõi trời Đạo lợi, có một cõi trời gọi là Dạ ma thiên; ngày lâu gấp hai cõi trời Đạo lợi, và cũng dùng hoa sen nở cụp làm hạn định. Cao gấp hai lần từ Đạo lợi lên Dạ ma, lại có một cõi trời gọi là Đâu suất đà thiên; ngày lâu gấp hai cõi trời Dạ ma, và cũng lấy hoa sen nở

cup làm hạn định. Cao gấp hai từ Dạ ma lên đầu suất, lại có một cõi trời gọi là Hóa lạc thiên; ngày lâu gấp hai cõi trời Đâu suất, cũng dùng hoa sen nở cup làm hạn định. Cao gấp hai từ Đâu suất lên Hóa lạc, lại có một cõi trời gọi là Tha hóa tự tại thiên; ngày lâu gấp hai cõi trời Hóa lạc, và cũng lấy hoa sen nở cup làm hạn định.

Từ cõi này trở xuống đến bốn châu (trong ấy có cõi đất ta bà là Nam thiệm bộ châu), Phật gọi là dục giới, gồm có: Trời, người, a tu la, súc sinh, nga quỷ, địa ngục gọi là lục đạo hay lục thú. Sở dĩ gọi dục giới vì chúng sinh trong những cõi này đều có dục: thực dục, dâm dục và thù dục (ăn uống, dâm dục, ngủ nghỉ).

Trên đỉnh cõi dục, tức là trên cõi trời Tha hóa tự tại, có một cõi trời gọi là Sơ thiên thiên. Cõi này phân làm ba cõi cao thấp. Trên sơ thiên thiên, lại có cõi Nhị thiên thiên. Cõi này cũng phân làm ba cõi cao thấp. Trên cõi Nhị thiên thiên lại có Tam thiên thiên. Cõi này cũng phân làm ba cõi cao thấp. Trên Tam thiên thiên là Tứ thiên thiên. Cõi này phân làm chín cõi cao thấp. Cộng chung bốn cõi có mười tám cõi. Những cõi trời này gọi là sắc giới. Sắc là sắc chất, xinh xắn, đẹp đẽ: chúng sinh những cõi này, sắc thân xinh đẹp hơn cõi dục. Ở đây, không phân nam nữ và không còn tình dục như Dục giới.

Từ cõi Tứ thiên thiên, Sắc giới, trở lên lại có bốn cõi trời nữa, gọi là Tứ không thiên, tức là: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ và phi tưởng phi phi tưởng xứ (Nói tắt là phi tưởng xứ). Bốn cõi trời này không có hình sắc, hay hình sắc vi tế khó nhận biết được; đời sống ở đây thiên về tâm thức nhiều hơn, nên gọi là Vô sắc giới.

Nói tóm lại, thế giới này gồm có ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Quả đất hay thế giới chúng ta ở đây chỉ là một châu, trong thế giới Phật nói, là một hạt bụi trong vi trần thế giới, bị chi phối bởi định luật thành, trụ, hoại, không, lưu chuyển không bao giờ ngừng...

### 3. TỨ SINH, LỤC ĐẠO,

#### VÀ LOÀI NGƯỜI LÚC BAN ĐẦU

Tất cả chúng sinh trong tam giới Dục, sắc, Vô sắc, Phật chia ra làm bốn loài:  
1. Loài sinh bằng thai, gọi là thai sinh. 2. Loài sinh bằng trứng gọi là noãn

sinh. 3. Loài sinh nơi ẩm ướt, gọi là thấp sinh. 4. Loài sinh biến hóa, gọi là hóa sinh.

Loài sinh bằng thai là do tình ái, như loài người, trâu bò v.v...

Loài sinh bằng trứng là do tư tưởng, như gà, vịt v.v...

Loài sinh nơi ẩm ướt là do sự hợp cảm, như giun, trùng v.v...

Loài sinh biến hóa là do ly ứng, như cỏ mục hóa đôm đóm, chuột đồng hóa chim cun cút v.v...

Trong sự sinh ra phải đủ hai điều kiện: Nhân, duyên.

Nhân, tức là nghiệp nhân, giống nghiệp đã tạo từ trước. Như làm lành, thành nghiệp nhân trời, người v. v... thì sẽ sinh cảnh giới trời, người.

Duyên, là trợ duyên, những cái giúp cho nhân phát hiện. Như người đi đầu thai phải có cha mẹ, và bẩm thụ di thể của cha mẹ mà thành thai nhân.

Trong bốn loài sinh trên, phân ra có lục đạo là: trời, người, a tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục.

Trời, là chỉ chung các cõi trời: cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Người, là nhân loại nói rộng, nhân vật ở các châu khác.

A tu la, là một loại thần, tiêu biểu cho tất cả quỷ thần.

Súc sinh, là cầm thú nói rộng ra là động vật.

Ngạ quỷ, là loài ma quỷ đói khát khổ sở.

Địa ngục, là những chúng sinh bị đọa lạc trong các cảnh khổ não, nhưt là trong Thiết vi sơn.

Chúng sinh ở trong sáu đạo này, luân hồi bất định, có phúc thì thăng, hết phúc thì đọa; đương đọa nếu phát thiện tâm thì được thăng lên... cứ thế. Thăng, đọa, thăng, sinh, tử, tử, sinh xoay quanh không ngừng, như bánh xe lăn, gọi là lục đạo luân hồi.

Nói về nhân loại, loài người thì mới phát hiện trên mặt đất, chưa biết làm nhà cửa, chỉ ở dưới gốc cây, ăn váng đất... qua thời kỳ ăn váng đất đến ăn nho, qua thời kỳ ăn nho thì ăn lúa tám cánh (lúa ngạnh).

Lúc đầu, lấy ngày nào ăn ngày đó, sau đó người sinh tâm lười biếng, lấy để dành ăn lần khác, rồi khởi lòng tham nhiều hơn, tiến đến chỗ lấy rất nhiều, tích trữ để dùng lâu ngày. Vì lòng tham ấy, người cũng tranh lấy để riêng. Từ đó lúa không mọc nữa, và con người phải tự đi cấy cấy mới có để sinh sống.

Nếu ai chịu lo cấy cấy làm ăn, thì chẳng nói làm chi, ác nghiệt, có kẻ lại sinh tâm xấu, không chịu cấy cấy, lại đi ăn trộm của người, vì thế mới sinh ra lắm chuyện. Để đối phó tai nạn này, người bấy giờ họp nhau lại bầu một người làm đầu, để cai trị, phân xử, và đặt những người canh gác, tuần phòng. Đó là mở đầu đi đến chế độ bộ lạc, quận, huyện, quan, vua sau này...

#### 4. ĐỊA DIỆN ẢNH HƯỞNG 4 CHÂU VÀ TÍNH

##### TÌNH CHÚNG SANH TRONG TỨ THIÊN HẠ

Đoạn trước đã nói về bốn châu: Đông thắng thần châu, Nam thiêm bộ châu, Tây ngu hóa châu, Bắc câu lư châu. Muốn biết tính tình chúng sanh trong bốn châu ấy thế nào, ta phải tìm hiểu địa diện hình tượng của những châu ấy, vì theo lời Phật dạy, chúng sanh trong mỗi châu phải chịu ảnh hưởng trực tiếp hình tượng của châu mình ở. Chúng sanh nói đây chú trọng về nhân vật hơn các loài khác, vì nhân vật bao giờ cũng chiếm phần ưu tiên hơn các sinh vật khác.

Châu đông thắng thần hình tròn, nên chúng sanh ở châu này mặt hình tròn, không như những châu khác. Con người ở đây về tinh thần, học hiểu, kém người châu Nam thiêm bộ nhiều lắm, nhưng tuổi thọ của họ thì nhiều hơn, nghĩa là 250 tuổi trở xuống.

Châu Nam thiêm bộ cũng gọi là Nam diêm phù đề, trên rộng dưới hẹp và nhọn. Chúng sanh ở đây vì ảnh hưởng hình tượng của châu nên trán rộng và cằm nhọn (tức là con người chúng ta). Người Nam thiêm bộ giàu tinh thần, nhiều trí nhớ, và thông minh. Về tuổi thọ thì có tăng, giảm không chừng.



Châu Tây ngư hóa hình bán nguyệt. Chịu ảnh hưởng hình tượng của châu, nên người châu này mặt hình bán nguyệt. Cũng như châu Đông, người châu Tây tinh thần, trí nhớ và sự học hiểu kém người châu Nam nhiều. Tuổi thọ cũng 250 trở xuống như người châu Đông.

Châu Bắc câu lư hình vuông; người ở châu này mặt vuông như hình tượng châu họ; tinh thần kém các châu khác, nhưng tuổi thọ như định 1000 năm tuổi.

Trong bốn châu nói trên, các đức Phật thường giáng sinh ở châu Nam, mà không bao giờ giáng sinh ở các châu khác. Sở dĩ như thế, vì châu Nam có nhiều đặc điểm như đã nói trên.

Về sự truyền bá của Phật giáo, thì châu Nam là chỗ Phật giáo xuất phát; châu Đông, châu Tây chịu ảnh hưởng Phật hóa, riêng châu Bắc không biết Phật pháp là gì, dù là biết họ cũng thiếu lòng tín ngưỡng và thực hành theo. Đó là một tai nạn lớn lao của người châu Bắc, nên trong Phật giáo liệt họ vào một nạn trong tám nạn...

## 5. VÀI NÉT VỀ ĐỜI SỐNG Ở BẮC CÂU LƯ CHÂU

Con người ở đời có trải qua các sự khổ, có quan niệm về sự khổ, mới tìm đường thoát khổ. Ở Bắc câu lư châu, đời sống con người không thấy khổ, không quan niệm được khổ. Họ sống một cách an nhiên, vô tư, không phải làm ăn mệt nhọc, không phải tạo tác ruộng nhà, không phải trồng tía buôn bán... các hàng cây là những cung điện của họ. Khi đói, họ đến một gốc cây, dưới gốc cây sẵn có một cái vạc, muốn ăn thì bứt quả bỏ vào vạc, tự nhiên có ánh bạch quang chiếu lên làm cho sôi nước nấu chín món ăn. Ăn xong đi tắm; tắm xong vớt áo cũ lên cây; hái quả bữa ra lấy áo mới mặc. Cứ như thế, mỗi lần tắm lại vớt đi một bộ quần áo. Khi đi đại tiện, tự nhiên đất nứt thành hố, đi xong đất áp lại và mọc lên một bông sen đỏ. Tất cả những thứ cần dùng, đều do cây sinh ra hết. Có một điều lạ nữa, là khi một đôi trai gái bằng lòng nhau, đưa nhau đến một gốc cây, cây ấy tự nhiên rũ xuống, biến thành tiên động, và đôi uyên ương sẽ sống với nhau trong đó. Nếu họ là anh em, thì cây sẽ không rũ xuống, và họ sẽ tránh nhau. Tại dưới gốc cây, đôi nam nữ sống chung, qua 7 ngày thì sinh con. Đứa bé sinh ra cha mẹ khỏi phải nuôi, đem để ở ngã ba đường, người qua lại cho nó mút ngón tay, ở ngón tay của mỗi người nuôi sống đứa bé. Qua 7 ngày sau đứa bé lớn như mọi người

khác. Rồi cứ nam đi với nam, nữ đi với nữ, không lấy chồng vợ lập gia đình chi hết. Đến khi chết, lại có một cái tiện là có một loài chim tha đem đi xa, không cần phải chôn cất gì cả.

Đời sống như vậy, kể cũng khoẻ, không phải chật vật, tranh đấu như đời sống ở ta. Nhưng họ không quan niệm được sự khổ, không biết tìm đường thoát khổ, không tin ngưỡng và thực hành Phật pháp, thì một ngày kia, khi phúc báo hết sẽ bị đọa lạc, trầm luân. Vũ trụ bao la, không gian mờ mịt, chẳng biết bánh xe luân hồi sẽ lăn và đưa họ đến nơi vô định nào!?

Hết